ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4001/QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo *đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2025 đợt 2 (Bổ sung 2).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho **850** sinh viên đại học (đính kèm danh sách tốt nghiệp).

Điều 2. Các Ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Trần Thiên Phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA-ĐHQG HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thống kê tốt nghiệp khóa 2021 và các khóa khác (tính đến 17g00 ngày 30/09/2025)

TT	Khoa/Trung tâm	Khóa 2017	Khóa 2018			Khóa 2019			Khóa 2020				Khóa 2021				Khóa 2022				Tổng
		TB Khá	Giỏi	Khá	TB khá	Giỏi	Khá	TB Khá	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Cơ khí	-	-	-	-	-	8	11	-	4	18	6	10	22	37	3	-	-	-	-	119
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	8	3	-	-	-	-	-	-	11
	Liên thông	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	1	-	-	1	3	2	-	6	6	-	-	-	-	-	19
2	KT Địa chất - Dầu khí	-	-	1	-	-	4	2	-	-	5	-	-	4	1	-	-	-	-	-	17
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Điện - Điện tử	1	-	-	-	1	3	11	-	2	14	14	4	26	31	3	-	-	-	-	110
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	5
	CT Tiên tiến	-	-	-	-	-	#	2	-	-	2	6	1	4	10	-	-	-	-	-	25
	Bằng 2	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	KT Giao thông	-	-	-	-	-	1	2	-	2	8	-	2	4	8	-	-	-	-	-	27
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	-	3	2	1	2	6	1	-	-	-	-	15
5	KT Hóa học	-	-	-	-	-	2	2	-	1	8	4	8	33	29	2	-	-	-	-	89
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	4	3	-	-	-	-	-	-	7
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	1	1	10	18	1	-	-	-	-	33
6	Môi trường & TN	-	-	-	-	-	1	2	-	-	7	-	-	3	9	1	-	-	-	-	23
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	2
7	Khoa học & KTMT	-	-	1	-	-	1	4	-	2	11	2	16	32	28	-	-	2	-	-	99
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	8	2	-	-	-	-	-	-	10
	CT Chất lượng cao	-	-	1	1	-	1	2	-	-	7	3	5	12	7	1	-	-	-	-	40
	Bằng 2	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	2	-	3
8	Quản lý Công nghiệp	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	8	10	5	-	-	-	-	-	23
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	1	-	-	7
9	Khoa học ứng dụng	-	-	-	-	-	2	1	-	1	2	2	3	2	12	1	-	-	-	-	26
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	-	1	-	-	1	2	-	-	-	-	-	4
10	Công nghệ vật liệu	-	-	-	-	-	1	2	-	-	2	4	1	2	13	1	-	-	-	-	26
11	KT Xây dựng	-	-	-	-	1	2	18	-	4	17	12	5	12	7	2	-	-	-	-	80
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	-	-	-	3
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	#	-	-	1	-	1	2	-	6	1	-	-	-	-	11
	Bằng 2	-	-	-	-	-	#	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	KSCLC Việt Pháp	-	1	-	-	1	5	-	-	5	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	15
	Cộng	1	1	3	1	3	34	59	-	23	111	61	93	198	239	17	1	3	2	-	**850**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP và CẤP BẰNG NĂM 2025 - ĐỢT 2 (Bổ sung 2)

(Đính kèm QĐ số 4001/QĐ-ĐHBK- ngày 7 / 10 / 2025)

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Chương trình Đào tạo Chất lượng cao													
1	2153148	Phan Quốc An	21/07/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7480101	CC	IELTS 7.0	Khoa học Máy tính	
2	2152389	Nguyễn Huỳnh Minh Anh	02/07/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Khá	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
3	2153164	Nguyễn Lê Phương Anh	23/03/2003	CC21QKD2	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510601	CC	Ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
4	2153193	Nguyễn Phan Hoàng Bách	03/05/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
5	2153210	Phan Gia Bảo	08/05/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480106	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
6	2152444	Nguyễn Khang Cát	27/03/2003	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
7	2052413	Mai Viết Cường	31/01/2002	CC20HC11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,88	TB Khá	7520301	CC	Ielts 7.5	Kỹ thuật Hóa học	
8	2153293	Lý Khánh Đăng	02/08/2003	CC21KTO1	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	2,40	Trung bình	7520130	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
9	2153295	Phạm Nguyễn Minh Đăng	01/08/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
10	2152055	Nguyễn Văn Thành Đạt	05/06/2003	CC21KTM2	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,60	Xuất Sắc	7480106	CC	Ielts 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
11	2152510	Phan Nguyễn Thành Đạt	24/06/2003	CC21KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520130	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
12	1852135	Phan Tấn Đạt	24/12/2000	CC18KHM2	Tp Hải Phòng	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,97	TB Khá	7480101	CC	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
13	2152513	Trần Thành Đạt	29/07/2003	CC21KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520130	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
14	2053622	Trương Huỳnh Anh Dũng	24/08/2002	CC20KHM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	6,77	TB Khá	7480101	CC	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
15	2152042	Nguyễn Bảo Duy	12/11/2003	CC21CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520103	CC	Ielts 7.0	Kỹ thuật Cơ khí	
16	2153252	Nguyễn Minh Duy	23/03/2003	CC21KHM1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
17	2152470	Nguyễn Trường Duy	27/02/2003	CC21KTO2	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,60	Xuất Sắc	7520130	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Ô tô	
18	2152480	Nguyễn Vũ Phương Duyên	14/12/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
19	2153312	Đặng Hoàng Gia	11/03/2003	CC21KTM1	Quảng Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
20	2152550	Lầu Hoàng Gia Hân	16/09/2003	CC21QCV2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	CC	Ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
21	1952242	Nguyễn Lê Thanh Hào	12/03/2001	CC19KTM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,65	TB Khá	7480106	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Máy tính	
22	2152071	Nguyễn Hậu	18/01/2003	CC21HLY	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
23	2111210	Nguyễn Gia Hiển	07/12/2003	CC21KTX1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,70	Khá	7580201	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
24	2153342	Lê Trọng Hiếu	25/09/2003	CC21KHM1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,30	Giỏi	7480101	CC	IELTS 8.0	Khoa học Máy tính	
25	1911153	Nguyễn Trung Hiếu	04/07/2001	CC19HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,46	Khá	7540101	CC	Ielts 7.5	Công nghệ Thực phẩm	
26	2152084	Trần Quang Đức Hòa	09/09/2003	CC21ROB1	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
27	2153370	Trương Nhật Hòa	01/09/2003	CC21HDK	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,80	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
28	1952699	Lê Việt Hoàng	02/04/2001	CC20KTO1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,54	TB Khá	7520130	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
29	2052093	Lê Việt Hoàng	01/03/2002	CC20KHM1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	7,32	Khá	7480101	CC	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
30	2053069	Lê Văn Khánh Hưng	27/12/2001	CC20CK12	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,88	TB Khá	7520103	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
31	2153416	Võ Thiện Hưng	30/06/2003	CC21QCV1	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	3,20	Giỏi	7510601	CC	Ielts 6.5	Quản lý Công nghiệp	
32	2053027	Cao Minh Huy	30/03/2002	CC20DK12	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,10	Khá	7520604	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Dầu khí	
33	1952715	Đỗ Minh Huy	16/05/2001	CC20KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,95	TB Khá	7520130	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
34	2153450	Trần Quang Khải	01/01/2003	CC21LQC1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7510605	CC	IELTS 6.5	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
35	2152126	Trịnh Xuân Khải	23/11/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	IELTS 7.0	Khoa học Máy tính	
36	2153423	Bành Vĩ Khang	06/12/2003	CC21KHM1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7480101	CC	IELTS 7.5	Khoa học Máy tính	
37	2053626	Lê Bửu Khang	01/10/2002	CC20CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,97	TB Khá	7520103	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
38	2053093	Lê Minh Khang	13/10/2002	CC21HKG1	Long An	Tỉnh Đồng Nai	2,60	Khá	7520120	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
39	2053097	Nguyễn Anh Khang	12/09/2002	CC20KHM2	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,28	Khá	7480101	CC	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
40	2053100	Nguyễn Lê Nhật Khang	06/10/2002	CC21CK11	Ninh Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Cơ khí	
41	2152645	Trừu Chí Khang	23/01/2003	CC21HVC	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
42	2153444	Nguyễn Vũ Khánh	11/04/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480106	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
43	1852472	La Đăng Khoa	15/08/2000	CC20QLM1	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	6,45	TB Khá	7850101	CC	Ielts 6.0	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
44	2053139	Nguyễn Ngọc Khoa	14/09/2002	CC20ROB2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,05	Giỏi	7520114	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Cơ điện tử	
45	2153473	Trần Ngọc Đăng Khoa	30/09/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
46	2152136	Đỗ Minh Khôi	01/12/2003	CC21KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520130	CC	IELTS 7.0	Kỹ thuật Ô tô	
47	2051047	Trần Thanh Tuấn Khôi	06/06/2002	CC20HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,32	Khá	7520120	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
48	2152701	Nguyễn Mạnh Khương	04/09/2003	CC21KTX2	Bến Tre	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7580201	CC	Ielts 6	Kỹ thuật Xây dựng	
49	2153500	Võ Lê Kiên	02/05/2003	CC21KTO2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,90	Khá	7520130	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
50	2153523	Huỳnh Tùng Linh	11/05/2003	CC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
51	2053180	Phạm Thị Ngọc Linh	04/02/2002	CC20LQC2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,27	Khá	7510605	CC	Ielts 6.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
52	2152728	Vương Hồng Lĩnh	14/09/2003	CC21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7480101	CC	IELTS 7.0	Khoa học Máy tính	
53	2152737	Trương Đỗ Nguyên Long	06/07/2003	CC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 7.5	Kỹ thuật Hóa học	
54	2053201	Nguyễn Đức Lương	11/03/2002	CC20KTO2	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,52	Khá	7520130	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Ô tô	
55	2153557	Nguyễn Lê Hoàng Mai	14/02/2003	CC21HTP2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,20	Giỏi	7540101	CC	Ielts 6.0	Công nghệ Thực phẩm	
56	2111717	Nguyễn Trần Thanh Mai	24/08/2003	CC21HTP2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,20	Giỏi	7540101	CC	Ielts 6.5	Công nghệ Thực phẩm	
57	2153564	Chung Mẫn Mẫn	02/10/2003	CC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520301	CC	Ielts 7.0	Kỹ thuật Hóa học	
58	2152749	Hà Học Mạnh	27/06/2003	CC21KTO2	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	2,80	Khá	7520130	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
59	2153574	Nguyễn Đức Minh	14/12/2003	CC21HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520120	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
60	2052597	Nguyễn Hữu Minh	18/01/2002	CC21KYS1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,50	Khá	7520401	CC	Ielts 6	Vật lý Kỹ thuật	
61	2052598	Nguyễn Ngọc Minh	03/04/2002	CC20HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Phước	7,26	Khá	7520120	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hàng không	
62	2152773	Trần Duy Minh	22/09/2003	CC21KHM1	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,50	Giỏi	7480101	CC	IELTS 8.0	Khoa học Máy tính	
63	2153583	Trần Khải Minh	27/06/2003	CC21LQC2	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	CC	Ielts 7.5	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
64	1811086	Trần Lê Minh	28/08/2000	CC19HC11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,37	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
65	2153587	Võ Khánh Minh	11/09/2003	CC21LQC2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510605	CC	Ielts 8.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
66	2152181	Nguyễn Đăng Hoài Nam	01/01/2003	CC21KHM1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,50	Giỏi	7480101	CC	IELTS 6.0	Khoa học Máy tính	
67	2153604	Phạm Văn Nam	03/12/2003	CC21LQC2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7510605	CC	IELTS 6.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
68	2111817	Võ Thiện Nam	10/07/2003	CC21KHM1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Ngãi	2,90	Khá	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
69	2153618	Nguyễn Tấn Nghĩa	25/11/2003	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7580201	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
70	2153622	Hồ Thúy Ngọc	24/04/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,50	Khá	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
71	2053275	Hồ Lê Duy Nguyên	09/11/2002	CC21KYS1	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	3,20	Giỏi	7520401	CC	Ielts 6.0	Vật lý Kỹ thuật	
72	2152198	Nguyễn Khôi Nguyên	29/07/2003	CC21KHM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,00	Khá	7480101	CC	IELTS 6.0	Khoa học Máy tính	
73	2153630	Nguyễn Kông Nguyên	25/07/2003	CC21QCV2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7510601	CC	Ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
74	2152840	Nguyễn Thanh Thảo Nhi	12/02/2003	CC21KTM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,60	Xuất Sắc	7480106	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
75	2152841	Nguyễn Trần Thảo Nhi	26/02/2003	CC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh An Giang	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
76	2152847	Hà Ngọc Quỳnh Như	14/01/2003	CC21HTP2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7540101	CC	Ielts 6.5	Công nghệ Thực phẩm	
77	2152226	Nguyễn Phúc Bảo Phát	10/02/2003	CC21KHM1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7480101	CC	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
78	2152855	Phạm Tấn Phát	18/11/2003	CC21QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	CC	Ielts 6.0	Quản lý Công nghiệp	
79	2052819	Chitpasong Phoneth	18/02/2002	CC21MTB	Lào		2,70	Khá	7520301	CC	Ielts 6	Kỹ thuật Hóa học	
80	2053323	Phan Minh Phong	26/07/2002	CC20KTX1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	8,03	Giỏi	7580201	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
81	2153696	Lê Hoàng Thiên Phúc	31/07/2003	CC21CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520103	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Cơ khí	
82	2053341	Nguyễn Phạm Thiên Phúc	01/10/2002	CC20KYS1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,25	Khá	7520401	CC	Ielts 7.5	Vật lý Kỹ thuật	
83	2153701	Phạm Gia Phúc	09/10/2003	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7580201	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
84	2153739	Lưu Phan Đăng Quân	12/05/2003	CC21HKG2	Lâm Đồng	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7520120	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hàng không	
85	2152920	Nguyễn Minh Quân	02/10/2003	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7580201	CC	Ielts 7.0	Kỹ thuật Xây dựng	
86	2153750	Tống Minh Quân	24/12/2003	CC21QKD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	CC	TOEIC 780	Quản lý Công nghiệp	
87	2153751	Trương Anh Quân	15/08/2003	CC21KHM2	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,30	Giỏi	7480101	CC	Ielts 7.5	Khoa học Máy tính	
88	2053359	Đinh Xuân Quang	18/06/2002	CC20KTM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,24	Khá	7480106	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
89	2152904	Hồ Văn Quang	26/05/2003	CC21CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520103	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
90	1952112	Huỳnh Nhật Quang	10/10/2001	CC19KHM1	Long An	Tỉnh Long An	6,63	TB Khá	7480101	CC	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
91	2153722	Lý Minh Quang	03/05/2003	CC21KTM1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,40	Trung bình	7480106	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
92	2153726	Phạm Bùi Minh Quang	17/03/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
93	2153727	Thái Phước Quang	04/01/2003	CC21HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,70	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
94	1952940	Trương Đăng Quang	05/04/2001	CC19KHM2	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7,39	Khá	7480101	CC	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
95	2152939	Từ Uyển San	04/09/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
96	2153768	Nguyễn Hoàng Sơn	16/06/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
97	2053405	Trần Thanh Sơn	03/08/2002	CC20KHM2	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,98	TB Khá	7480101	CC	Ielts 6	Khoa học Máy tính	
98	2052348	Từ Thành Sơn	30/10/2000	CC20KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,53	TB Khá	7580201	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
99	2152947	Nguyễn Nhân Tài	25/12/2003	CC21HVC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,40	Trung bình	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
100	2153813	Dương Nhật Thắng	23/09/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
101	2053424	Biện Công Thanh	04/02/2002	CC20KTM2	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	7,18	Khá	7480106	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
102	2152280	Bùi Văn Nhật Thanh	12/01/2003	CC21KTX2	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,90	Xuất Sắc	7580201	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng	
103	2152966	Đinh Việt Thành	19/09/2003	CC21KHM1	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
104	2052715	Nguyễn Trường Thạnh	05/01/2002	CC20COD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,17	Khá	7520114	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
105	2052260	Bùi Mai Thảo	11/11/2002	CC21HHC	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	3,10	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
106	2153807	Nguyễn Phương Thảo	13/12/2003	CC21HTP2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7540101	CC	Ielts 6	Công nghệ Thực phẩm	
107	2053443	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/02/2002	CC22QCV1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7510601	CC	IELTS 6.0	Quản lý Công nghiệp	
108	2153826	Nguyễn Gia Lộc Thiên	17/02/2003	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7580201	CC	Ielts 7	Kỹ thuật Xây dựng	
109	2153139	Dương Đức Thiện	29/10/2001	CC21KTX2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	CC	Ielts 7.0	Kỹ thuật Xây dựng	
110	2152994	Nguyễn Quang Thiện	15/06/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480106	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
111	2012479	Phương Xương Thịnh	11/05/2002	CC20KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,47	Khá	7480101	CC	Ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
112	2114929	Trần Hồ Vĩnh Thuần	21/01/2003	CC21KYS1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520401	CC	IELTS 6.5	Vật lý Kỹ thuật	
113	2052729	Nguyễn Hoàng Thuận	11/01/2002	CC20KTM2	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6,81	TB Khá	7480106	CC	Ielts 6	Kỹ thuật Máy tính	
114	2153143	Đỗ Lâm Ngọc Thức	03/08/2003	CC21KHM1	Sóc Trăng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7480101	CC	IELTS 8.0	Khoa học Máy tính	
115	2052738	Nguyễn Trần Hoài Thương	16/10/2002	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
116	2153877	Đỗ Hoàng Anh Thy	15/01/2003	CC21MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
117	2153031	Lê Bảo Thy	08/02/2003	CC21LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7510605	CC	Ielts 6.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
118	2053487	Nguyễn Anh Thy	30/11/2002	CC20LQC2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,52	Khá	7510605	CC	Ielts 7.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
119	2053489	Ngô Văn Tiên	30/08/2002	CC20KTM2	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	7,86	Khá	7480106	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
120	2153902	Nguyễn Phúc Toàn	07/08/2003	CC21KTM1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,40	Giỏi	7480106	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Máy tính	
121	2115100	Đặng Đức Trọng	22/10/2003	CC21COD2	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,00	Khá	7520114	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
122	2153929	Phạm Trần Thành Trung	24/11/2003	CC21KTM1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7480106	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
123	2152331	Phạm Lý Xuân Trường	06/01/2003	CC21ROB1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520114	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
124	2052306	Phạm Nguyễn Minh Tú	14/02/2002	CC21KMT1	Thành Phố Cần Th	Tỉnh Khánh Hòa	3,00	Khá	7520320	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
125	1953083	Phan Tuấn Tú	17/05/2001	CC19CDT2	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	7,12	Khá	7520114	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
126	2153944	Lê Quốc Tuấn	18/06/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480106	CC	IELTS 8.0	Kỹ thuật Máy tính	
127	1852837	Nguyễn Lê Anh Tuấn	26/06/2000	CC18KTM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,58	Khá	7480106	CC	Ielts 7.5	Kỹ thuật Máy tính	
128	2153960	Nguyễn Trần Khánh Vân	14/12/2003	CC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Ielts 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
129	2153963	Võ Đại Vệ	22/01/2003	CC21HDK	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Hóa học	
130	2053590	Nguyễn Đỗ Phú Vinh	16/03/2002	CC20KHM1	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,42	Khá	7480101	CC	Ielts 7.5	Khoa học Máy tính	
131	2153987	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	02/01/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520301	CC	Ielts 6	Kỹ thuật Hóa học	
132	2153120	Trương Nguyễn Khả Vy	30/12/2003	CC21HDK	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
133	2152050	Bùi Thanh Duyên	17/06/2003	CN21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520101	DH	JPN_GC N3	Cơ Kỹ thuật	
134	2153341	Lê Minh Hiếu	20/06/2003	CN21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	DH	JPN_GC N3	Khoa học Máy tính	
135	2152081	Ma Minh Hoàng	24/09/2003	CN21KHM1	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	3,10	Khá	7480101	DH	JPN_GC N3	Khoa học Máy tính	
136	2153544	Lê Nguyễn Phước Lộc	02/03/2003	CN21KHM1	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	JPN_GC N3	Khoa học Máy tính	
137	2153579	Phạm Quang Minh	09/04/2003	CN21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480101	DH	JPN_GC N3	Khoa học Máy tính	
138	2152261	Dương Đông Quân	30/03/2003	CN21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	DH	JPN_GC N3	Khoa học Máy tính	
139	2153800	Lê Thành	09/11/2003	CN21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520101	DH	JPN_GC N3	Cơ Kỹ thuật	
Khoa Cơ khí													
1	2112757	Đoàn Kim Anh	20/03/2003	CK21CK05	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2,90	Khá	7520103	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
2	2112791	Nguyễn Quế Anh	16/08/2003	CK21LOG1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 855	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
3	2112794	Nguyễn Tiến Anh	27/12/2003	CK21CK07	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7520103	DH	Toeic 820	Kỹ thuật Cơ khí	
4	2012613	Phạm Vũ Anh	15/07/2002	CK20NH2	Bình Định	Tỉnh Bình Dương	7,02	Khá	7520115	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Nhiệt	
5	1912625	Trương Quốc Anh	12/12/2001	CK19CTM4	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,51	TB Khá	7520103	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Cơ khí	
6	2012660	Lê Hoàng Bảo	02/03/2002	CK20CK04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,51	Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
7	2112880	Phạm Gia Bảo	24/10/2003	CK21CDM	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	2,70	Khá	7540204	DH	Toeic 650	Công nghệ Dệt, May	
8	2110799	Trần Gia Bảo	11/06/2003	CK21CDT1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Cơ điện tử	
9	2012703	Nguyễn Thị Mai Ca	27/07/2002	CK20DM1	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,05	Khá	7540204	DH	Toeic 675	Công nghệ Dệt, May	
10	2112916	Bùi Đức Cảm	14/10/2001	BD21BDG2	Quảng Ngãi	Tỉnh Bình Dương	2,50	Khá	7510211	DH	Toeic 605	Bảo dưỡng Công nghiệp	
11	2112925	Đinh Thị Chi	12/12/2003	CK21LOG1	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	DH	Toeic 795	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
12	2012899	Thái Liêu Nguyên Đán	19/07/2002	BD20BDG5	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,37	TB Khá	7510211	DH	Toeic 750	Bảo dưỡng Công nghiệp	
13	2111051	Phạm Lê Hải Đăng	24/11/2003	CK21CK02	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7520103	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Cơ khí	
14	2110893	Hà Lê Danh	01/11/2003	CK21CKTN	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520103	TN	Toeic 730	Kỹ thuật Cơ khí	
15	2012931	Nguyễn Tấn Đạt	06/08/2002	BD20BDG6	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,08	Khá	7510211	DH	Toeic 600	Bảo dưỡng Công nghiệp	
16	1912846	Trần Quốc Diễn	06/05/1995	CK19NH1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	6,69	TB Khá	7520115	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Nhiệt	
17	2110906	Nguyễn Thị Thanh Diệu	12/12/2003	CK21LOG1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,20	Giỏi	7510605	DH	Toeic 695	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
18	2012990	Khắc Ngọc Đức	04/01/2002	CK20NH2	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	7,38	Khá	7520115	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Nhiệt	
19	2111083	Nguyễn Tiến Đức	07/03/2003	CK21NH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520115	DH	Ielts 5.0	Kỹ thuật Nhiệt	
20	2113234	Tiêu Minh Đức	01/04/2003	CK21CK08	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520103	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Cơ khí	
21	2010991	Lê Thị Hoàng Dung	12/08/2002	CK20CK02	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	7,36	Khá	7520103	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Cơ khí	
22	2112988	Lê Thị Mỹ Dung	18/03/2003	CK21CDM	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,90	Khá	7540204	DH	Toeic 600	Công nghệ Dệt, May	
23	1910974	Lê Quang Dũng	09/12/2001	CK19CTM1	An Giang	Tỉnh An Giang	7,30	Khá	7520103	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Cơ khí	
24	2113070	Nguyễn Tuấn Dũng	08/11/2003	CK21LOG1	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	3,10	Khá	7510605	DH	Toeic 605	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
25	1912984	Mai Thùy ánh Dương	15/10/2001	CK19HT1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	7,33	Khá	7520118	DH	Toeic 570	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
26	2110079	Huỳnh Gia Duy	21/09/2003	CK21CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520114	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Cơ điện tử	
27	2113009	Lê Khánh Duy	14/02/2003	CK21CDTN	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,60	Xuất Sắc	7520114	TN	Toeic 745	Kỹ thuật Cơ điện tử	
28	2012849	Trương Anh Duy	28/09/2002	CK20NH1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	8,03	Giỏi	7520115	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Nhiệt	
29	2111093	Hồ Lệ Giang	06/02/2003	CK21CDM	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,90	Khá	7540204	DH	Toeic 675	Công nghệ Dệt, May	
30	2111098	Nguyễn Kiều Giang	21/02/2003	CK21CDM	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7540204	DH	Toeic 695	Công nghệ Dệt, May	
31	1911100	Nguyễn Đức Hải	24/07/2001	CK19CTM3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,59	TB Khá	7520103	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Cơ khí	
32	2111127	Nguyễn Phan Thanh Hào	19/01/2003	CK21CKTN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520103	TN	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
33	2111205	Phạm Thị Thanh Hiền	20/05/2003	CK21CDM	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7540204	DH	Ielts 5.0	Công nghệ Dệt, May	
34	2011206	Nguyễn Thế Hiển	05/01/2002	CK20CK04	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	6,98	TB Khá	7520103	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Cơ khí	
35	1913320	Chung Quảng Hiếu	12/10/2001	CK19CTM3	An Giang	Tỉnh Đồng Tháp	6,67	TB Khá	7520103	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Cơ khí	
36	2113343	Huỳnh Công Hiếu	27/01/2003	CK21HT2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520118	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
37	2113350	Lê Trung Hiếu	28/08/2002	CK21LOG1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7510605	DH	Toeic 820	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
38	2113367	Vũ Trần Ngọc Hiếu	27/06/2003	BD21BDG5	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7510211	DH	Toeic 655	Bảo dưỡng Công nghiệp	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
39	2113430	Lê Trung Hòa	16/01/2003	CK21CK10	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520103	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Cơ khí	
40	2111236	Lê Văn Hoàng	15/04/2003	CK21CK05	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7520103	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Cơ khí	
41	2111252	Nguyễn Việt Hoàng	19/02/2003	CK21LOG1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,20	Khá	7510605	DH	Ielts 7.0	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
42	2010271	Phạm Việt Hoàng	10/02/2002	CK20NH1	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	7,14	Khá	7520115	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Nhiệt	
43	2011317	Vũ Việt Hùng	20/04/2002	CK20CK02	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6,98	TB Khá	7520103	DH	Toeic 760	Kỹ thuật Cơ khí	
44	2113629	Nguyễn Thị Mai Hương	01/04/2003	CK21HT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7520118	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
45	2113460	Đặng Quang Huy	05/12/2003	BD21BDG5	Bắc Ninh	Tỉnh Bình Phước	2,70	Khá	7510211	DH	Toeic 690	Bảo dưỡng Công nghiệp	
46	2113500	Nguyễn Đăng Huy	13/11/2003	CK21LOG1	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	2,80	Khá	7510605	DH	Toeic 890	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
47	1913541	Nguyễn Quang Huy	02/01/2001	CK19CD3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,04	Khá	7520114	DH	Toeic 550	Kỹ thuật Cơ điện tử	
48	2113521	Nguyễn Quốc Huy	13/03/2003	BD21BDG6	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,40	Trung bình	7510211	DH	Toeic 645	Bảo dưỡng Công nghiệp	
49	2113537	Tạ Hoàng Gia Huy	20/10/2003	BD21BDG6	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7510211	DH	Toeic 725	Bảo dưỡng Công nghiệp	
50	2113555	Trần Quốc Huy	10/08/2003	CK21CK10	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,50	Khá	7520103	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Cơ khí	
51	2113559	Võ Minh Huy	28/12/2003	CK21CDT3	An Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,50	Giỏi	7520114	DH	Toeic 920	Kỹ thuật Cơ điện tử	
52	2013342	Phạm Mai Huyên	07/10/2002	CK20DET	Long An	Tỉnh Long An	7,00	Khá	7520312	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Dệt	
53	2111376	Nguyễn Mạnh Huỳnh	02/09/2003	CK21NH1	Long An	Tỉnh Long An	2,90	Khá	7520115	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Nhiệt	
54	2113672	Nguyễn Như Khang	27/02/2002	CK21LOG1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,00	Khá	7510605	DH	Toeic 650	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
55	2110247	Trần Hoàng Khang	08/08/2003	CK21NH1	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,10	Khá	7520115	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Nhiệt	
56	2113692	Nguyễn Chí Khanh	03/08/2003	CK21NH2	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7520115	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Nhiệt	
57	2110270	Đinh Duy Khoa	12/10/2003	CK21CKTN	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,80	Xuất Sắc	7520103	TN	Toeic 810	Kỹ thuật Cơ khí	
58	2111554	Hà Trọng Khôi	13/02/2003	CK21HT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7520118	DH	Toeic 975	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
59	2111578	Lương Trung Kiên	28/08/2003	CK21KHTN	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	3,90	Xuất Sắc	7520118	TN	Toeic 745	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
60	2110301	Nguyễn Hữu Anh Kiệt	24/05/2003	CK21CDTN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7520114	TN	Toeic 700	Kỹ thuật Cơ điện tử	
61	2113864	Trần Tiểu Kỳ	28/12/2003	BD21BDG3	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,40	Trung bình	7510211	DH	Toeic 715	Bảo dưỡng Công nghiệp	
62	2113880	Nguyễn Bảo Lâm	16/09/2003	CK21LOG1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,40	Trung bình	7510605	DH	Toeic 760	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
63	2013598	Nguyễn Duy Lâm	11/06/2002	CK20CDT4	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,24	Khá	7520114	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ điện tử	
64	2110313	Nguyễn Gia Lâm	17/11/2003	CK21CKTN	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,70	Xuất Sắc	7520103	TN	Toeic 700	Kỹ thuật Cơ khí	
65	2111641	Dương Quang Linh	12/04/2003	CK21CDT2	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	3,10	Khá	7520114	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
66	2113900	Hồ Thị Thùy Linh	17/01/2003	CK21DET	Đồng Nai	Tỉnh Bình Dương	3,00	Khá	7520312	DH	Toeic 790	Kỹ thuật Dệt	
67	2110324	Phạm Thụy Khánh Linh	11/12/2003	CK21LOG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 885	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
68	2013700	Trương Thiên Lộc	15/09/2002	CK20NH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,07	Khá	7520115	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Nhiệt	
69	2111665	Ngô Lê Hoàng Long	09/10/2003	CK21CDTN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7520114	TN	Toeic 780	Kỹ thuật Cơ điện tử	
70	2111724	Bùi Anh Minh	04/05/2003	CK21CKTN	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520103	TN	Toeic 740	Kỹ thuật Cơ khí	
71	1914153	Lê Kiến Minh	20/12/2001	CK19CTM2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	7,14	Khá	7520103	DH	Toeic 575	Kỹ thuật Cơ khí	
72	2111764	Tống Phước Hoàng Minh	28/04/2003	CK21NH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520115	DH	Ielts 7.0	Kỹ thuật Nhiệt	
73	2114095	Nguyễn Thị Thùy My	09/02/2003	CK21CDM	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	2,90	Khá	7540204	DH	Toeic 635	Công nghệ Dệt, May	
74	2111787	Trần Thị Kiều My	06/04/2003	CK21CKTN	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,60	Xuất Sắc	7520103	TN	Toeic 700	Kỹ thuật Cơ khí	
75	2110367	Võ Hoàng Mỹ	05/11/2003	CK21CK03	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,40	Giỏi	7520103	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
76	1914330	Nguyễn Tiến Nghị	09/11/2001	CK19NH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,18	TB Khá	7520115	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Nhiệt	
77	2111839	Lê Chánh Nghĩa	05/07/2003	CK21CK02	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,70	Khá	7520103	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Cơ khí	
78	2114194	Phan Ngọc Ngoan	19/07/2003	CK21CK08	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Cơ khí	
79	1914335	Hoàng Anh Ngọc	02/10/2001	CK19CD3	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	7,35	Khá	7520114	DH	Toeic 575	Kỹ thuật Cơ điện tử	
80	2114207	Trần Khánh Ngọc	24/12/2003	CK21LOG1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,80	Khá	7510605	DH	Toeic 930	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
81	2013982	Tô Nghĩa Nhân	26/07/2002	CK20CK01	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	7,93	Khá	7520103	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Cơ khí	
82	1914490	Phạm Văn Nhật	20/12/2001	CK19CDT	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7,41	Khá	7520114	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Cơ điện tử	
83	2014015	Lê Thị Quỳnh Nhi	05/05/2002	CK20HT1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	8,16	Giỏi	7520118	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
84	2114332	Lê Thị Yến Nhung	22/11/2003	CK21HT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7520118	DH	Toeic 840	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
85	2114352	Trần Nhật Ninh	21/04/2003	BD21BDG3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510211	DH	Toeic 650	Bảo dưỡng Công nghiệp	
86	2114367	Huỳnh Công Phát	28/01/2003	CK21CK10	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7520103	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Cơ khí	
87	1914613	Nguyễn Lâm Phi	08/02/2001	CK19CD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,52	Khá	7520114	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Cơ điện tử	
88	1914662	Nguyễn Thanh Phú	02/02/2001	CK19CTM3	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6,53	TB Khá	7520103	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Cơ khí	
89	2110465	Nguyễn Hoài Quế Phương	03/09/2003	CK21HT1	Long An	Tỉnh Long An	3,30	Giỏi	7520118	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
90	2014237	Lê Việt Quang	25/08/2002	BD20BDG6	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7,19	Khá	7510211	DH	Toeic 610	Bảo dưỡng Công nghiệp	
91	2114510	Nguyễn Thanh Quang	23/06/2003	CK21CDT3	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,10	Khá	7520114	DH	Ielts 5.0	Kỹ thuật Cơ điện tử	
92	2152911	Trần Thiện Quang	24/07/2003	CK21DET	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520312	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Dệt	
93	1914863	Nguyễn Thành Quốc	04/01/2001	CK19CTM3	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6,73	TB Khá	7520103	DH	Toeic 565	Kỹ thuật Cơ khí	
94	2011960	Lê Thị Quỳnh	06/09/2002	CK20DM1	Thanh Hóa	Tỉnh Bình Dương	6,99	TB Khá	7540204	DH	Toeic 645	Công nghệ Dệt, May	
95	2114657	Đặng Minh Sơn	09/10/2003	CK21CK01	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,10	Khá	7520103	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Cơ khí	
96	1914958	Nguyễn Lê Ngọc Sơn	26/09/2001	BD19BDG4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,75	TB Khá	7510211	DH	Toeic 725	Bảo dưỡng Công nghiệp	
97	2112214	Nguyễn Chí Tài	10/07/2003	CK21CK03	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3,00	Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
98	2011998	Nguyễn Hữu Tài	11/07/2002	CK20HT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Vĩnh Long	7,72	Khá	7520118	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
99	2110533	Huỳnh Kim Nhật Thanh	01/02/2003	CK21NH1	Long An	Tỉnh Long An	3,00	Khá	7520115	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Nhiệt	
100	2114751	Ngô Nhật Thanh	21/04/2003	CK21NH2	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,30	Giỏi	7520115	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Nhiệt	
101	2112310	Trần Tuấn Thành	31/07/2003	CK21CDT2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Toeic 935	Kỹ thuật Cơ điện tử	
102	2014587	Bùi Nguyễn Quốc Thịnh	20/03/2002	CK20CDT4	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	8,27	Giỏi	7520114	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Cơ điện tử	
103	2114923	Lê Thị Quỳnh Thơ	21/09/2003	CK21CDM	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,20	Giỏi	7540204	DH	Toeic 750	Công nghệ Dệt, May	
104	1912141	Lê Duy Thoại	04/06/2001	CK19CTM1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,92	TB Khá	7520103	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Cơ khí	
105	2112401	Hồ Trần Anh Thư	09/07/2003	CK21LOG1	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	4,00	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 950	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
106	2110575	Nguyễn Ngọc Anh Thư	28/02/2003	CK21CK04	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,10	Khá	7520103	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Cơ khí	
107	2110569	Đào Ngọc Thùy	16/08/2003	CK21LOG1	Tiền Giang	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 775	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
108	2114948	Phạm Thị Thanh Thủy	20/02/2003	CK21LOG1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,30	Giỏi	7510605	DH	Toeic 725	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
109	2114991	Nguyễn Minh Tiến	25/10/2003	CK21CK06	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,00	Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
110	1915509	Đoàn Công Tín	12/06/2001	CK19CTM1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6,73	TB Khá	7520103	DH	Toeic 560	Kỹ thuật Cơ khí	
111	2012209	Lâm Thành Tín	01/09/2002	CK20CK03	An Giang	Tỉnh An Giang	6,78	TB Khá	7520103	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ khí	
112	2012219	Thái Bảo Tín	02/01/2002	CK20NH1	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,35	Khá	7520115	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Nhiệt	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
113	2112456	Đào Trọng Toàn	29/03/2003	CK21CKTN	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7520103	TN	Toeic 795	Kỹ thuật Cơ khí	
114	2014821	Nguyễn Thị Tuyết Trân	22/09/2001	CK20DM1	Tiền Giang	Tỉnh Bình Dương	8,05	Giỏi	7540204	DH	Toeic 635	Công nghệ Dệt, May	
115	2115098	Võ Kim Đăng Trình	06/01/2003	CK21DET	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,20	Giỏi	7520312	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Dệt	
116	2110635	Nguyễn Lê Kim Trúc	21/11/2003	CK21NH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520115	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Nhiệt	
117	2014878	Nguyễn Đình Quang Trung	28/09/2002	CK20CK05	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7,25	Khá	7520103	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ khí	
118	2115120	Nguyễn Minh Trung	03/11/2003	CK21CK10	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7520103	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Cơ khí	
119	1915810	Đặng Thanh Tú	14/09/2001	CK19NH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,63	TB Khá	7520115	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Nhiệt	
120	2014976	Nguyễn Lê Thanh Tú	09/09/2002	CK20CDT3	Long An	Tỉnh Long An	7,78	Khá	7520114	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ điện tử	
121	2015006	Đỗ Nguyễn Tuấn Tường	02/07/2002	CK20CK04	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,77	TB Khá	7520103	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Cơ khí	
122	2012391	Huỳnh Minh Tường	01/12/2002	CK20CK02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,28	Khá	7520103	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ khí	
123	2115265	Ngô Thị Yến Vi	30/12/2003	CK21LOG1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 645	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
124	2015054	Đặng Thế Vinh	04/07/2002	CK20NH2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	7,00	Khá	7520115	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Nhiệt	
125	1915964	Lê Doãn Vịnh	20/08/2001	CK19CTM1	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	7,12	Khá	7520103	DH	Toeic 565	Kỹ thuật Cơ khí	
126	2115333	Lê Minh Vương	28/01/2003	CK21CK07	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ khí	
127	2112683	Huỳnh Thị Tường Vy	06/06/2003	CK21CDM	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7540204	DH	Toeic 700	Công nghệ Dệt, May	
128	2115346	Nguyễn Hà Vy	17/10/2003	CK21LOG1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Toeic 915	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
129	2112689	Phan Ngọc Thảo Vy	18/09/2003	CK21CDT1	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520114	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Cơ điện tử	
130	2115364	Lê Thanh Vỹ	24/03/2003	CK21CK08	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Cơ khí	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí													
1	2012487	Phan Huy Cường	26/09/2002	DC20DK1	Quảng Ngãi	Tỉnh Bình Dương	7,62	Khá	7520604	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Dầu khí	
2	2012860	Hồ Tiến Dũng	29/03/2002	DC20DK1	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	7,44	Khá	7520604	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Dầu khí	
3	2113092	Nguyễn Công Dương	20/09/2003	DC21DK1	Quảng Trị	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520604	DH	Toeic 860	Kỹ thuật Dầu khí	
4	2110923	Lê Nguyễn Hoàng Duy	03/01/2003	DC21DK1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,40	Giỏi	7520604	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Dầu khí	
5	2113454	Dương Đang Huy	04/05/2003	DC21DC1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	2,90	Khá	7520501	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Địa chất	
6	1911263	Trần Quốc Huy	03/03/2001	DC19DC1	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	7,46	Khá	7520501	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Địa chất	
7	1813167	Nguyễn Trung Nam	27/05/2000	DC18KT	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	7,29	Khá	7520501	DH	Toeic 525	Kỹ thuật Địa chất	
8	1914345	Nguyễn Minh Bảo Ngọc	24/04/2001	DC19DK1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,30	Khá	7520604	DH	Toeic 560	Kỹ thuật Dầu khí	
9	1914369	Hồ Huỳnh Cẩm Nguyên	08/01/2001	DC19DK1	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7,05	Khá	7520604	DH	Toeic 570	Kỹ thuật Dầu khí	
10	1914484	Nguyễn Thanh Nhật	27/03/2001	DC19DC1	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	7,47	Khá	7520501	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Địa chất	
11	2014224	Lê Trần Thiên Phước	05/03/2002	DC20DC1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,10	Khá	7520501	DH	Toeic 715	Kỹ thuật Địa chất	
12	2014284	Trịnh Minh Đức Quân	28/08/2002	DC20DK1	Thanh Hóa	Tỉnh Bình Dương	7,14	Khá	7520604	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Dầu khí	
13	2112186	Đặng Hồng Sơn	28/12/2003	DC21DK1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,20	Giỏi	7520604	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Dầu khí	
14	2114800	Bùi Thị Xuân Thảo	06/11/2003	DC21DC1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,40	Giỏi	7520501	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Địa chất	
15	1915204	Trương Huỳnh Thảo	20/10/2001	DC19DC1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6,92	TB Khá	7520501	DH	Toeic 565	Kỹ thuật Địa chất	
16	2014661	Huỳnh Trọng Thúc	24/01/2002	DC20DK1	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,50	Khá	7520604	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Dầu khí	
17	1912171	Nguyễn Hải Lam Thùy	08/01/1999	DC19DC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,99	TB Khá	7520501	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Địa chất	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Khoa Điện - Điện tử													
1	2010837	Võ Thị Thúy An	16/09/2002	DD20DV2	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	7,19	Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
2	2110727	Lê Đức Anh	04/04/2003	DD21KSTD	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Toeic 805	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
3	1912595	Nguyễn Quang Anh	15/09/2001	DD19DV1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,87	TB Khá	7520207	DH	Toeic 825	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
4	2110048	Nguyễn Thế Bằng	22/02/2003	DD21DV1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
5	2010902	Ngô Quốc Bảo	01/01/2002	DD20DV2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,86	TB Khá	7520207	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
6	1910055	Nguyễn Quốc Bình	30/07/2001	DD19TD1	Bình Dương	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,03	Giỏi	7520216	DH	Ielts 7.0	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
7	2110838	Trần Phúc Chánh	09/07/2003	DD21DV1	Quảng Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520207	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
8	2012760	Đỗ Đình Cường	12/10/2002	DD20DV2	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,89	TB Khá	7520207	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
9	2110874	Hoàng Thế Cường	26/01/2002	DD21KTD1	Nam Định	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7520201	DH	Toeic 825	Kỹ thuật Điện	
10	1912833	Trần Chí Cường	08/08/2001	DD19TD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,73	Khá	7520216	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
11	2110990	Nguyễn Thế Đại	06/03/2003	DD21KTD1	Kon Tum	Tỉnh Gia Lai	2,90	Khá	7520201	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Điện	
12	2011089	Trần Hải Đăng	12/06/2002	DD20DV2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6,64	TB Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
13	2110073	Trần Hoàng Danh	01/10/2003	DD21DV1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
14	2110902	Võ Thành Danh	26/02/2003	DD21DV1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2,90	Khá	7520207	DH	Toeic 895	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
15	2110111	Đỗ Quốc Đạt	12/10/2003	DD21TD1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,00	Khá	7520216	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
16	2113084	Võ Hoàng Dũng	02/01/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520216	DH	Ielts 7.0	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
17	2110106	Võ Chí Dương	07/07/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520216	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
18	2010178	Bùi Nhất Duy	22/01/2002	DD20DV2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6,69	TB Khá	7520207	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
19	2110095	Võ Hoàng Khánh Duy	27/12/2003	DD21TD1	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 830	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
20	2113053	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	05/05/2003	DD21DV1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	2,70	Khá	7520207	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
21	2113275	Phạm Bá Hà	16/08/2003	DD21TD1	Nghệ An	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi	7520216	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
22	2111185	Lê Trung Hiếu	19/06/2003	DD21DV2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520207	DH	Ielts 7.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
23	2111265	Trương Vỹ Hòa	11/08/2003	DD21TD1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 925	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
24	2013256	Võ Tuấn Hòa	09/01/2002	DD20KTD2	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,71	TB Khá	7520201	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Điện	
25	2113395	Hồ Nguyên Hoàng	31/10/2003	DD21TD2	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
26	2111269	Nguyễn Minh Huân	06/10/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520216	DH	Toeic 920	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
27	1911284	Lê Trọng Hùng	08/02/2001	DD19DV3	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,87	TB Khá	7520207	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
28	2113617	Trịnh Vũ Hưng	20/09/2003	DD21TD1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 920	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
29	1913493	Bạch Đức Huy	16/12/2001	DD19KTD2	Đồng Nai	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	6,14	TB Khá	7520201	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Điện	
30	2012477	Nguyễn Đông Huy	04/12/2002	DD20KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,15	Khá	7520201	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Điện	
31	2111322	Nguyễn Lâm Gia Huy	06/06/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
32	2013330	Thân Hoàng Huy	16/04/2002	DD20TD1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,06	Khá	7520216	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
33	2012507	Trần Đại Quang Huy	27/03/2002	DD20KTD2	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	6,78	TB Khá	7520201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện	
34	2111462	Phùng Thái Khang	05/10/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520216	DH	Toeic 885	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
35	2111501	Trương Quốc Khánh	25/08/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7520216	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
36	2111503	Vũ Quốc Khánh	07/07/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520216	DH	Toeic 965	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
37	2113746	Đồng Thanh Khoa	11/07/2003	DD21DV3	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7520207	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
38	2113752	Lê Đặng Đăng Khoa	29/03/2003	DD21DV3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7520207	DH	Toeic 915	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
39	2013506	Nguyễn Minh Khoa	15/12/2002	DD20TD1	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,66	Khá	7520216	DH	Ielts 7.5	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
40	2111533	Nguyễn Tuấn Khoa	17/01/2003	DD21DV3	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,70	Khá	7520207	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
41	2011443	Nguyễn Anh Khôi	19/11/2002	DD20DV3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,39	TB Khá	7520207	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
42	2011473	Trịnh Trung Kiên	05/05/2002	DD20KTD3	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,89	TB Khá	7520201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện	
43	2110299	Đoàn Anh Kiệt	01/01/2003	DD21TD1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7520216	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
44	2111609	Quách Tấn Kiệt	29/09/2003	DD21DV2	Thái Bình	Tỉnh Khánh Hòa	2,40	Trung bình	7520207	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
45	2010372	Vũ Huỳnh Thanh Liêm	17/03/2002	DD20DV3	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Đồng Nai	6,72	TB Khá	7520207	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
46	1910316	Hoàng Hiếu Long	18/01/2001	DD19KTD3	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,70	TB Khá	7520201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điện	
47	2113944	Phạm Ngọc Long	26/06/2003	DD21TD1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,50	Giỏi	7520216	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
48	1914056	Lê Huỳnh Luân	07/02/2001	DD19KTD3	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6,72	TB Khá	7520201	DH	Toeic 550	Kỹ thuật Điện	
49	2113990	Võ Phước Luân	31/01/2003	DD21DV3	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
50	2114044	Huỳnh Lý Minh	06/10/2003	DD21DV3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,20	Trung bình	7520207	DH	Toeic 880	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
51	1914172	Nguyễn Văn Cao Minh	30/01/2001	DD19KTD3	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	6,45	TB Khá	7520201	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Điện	
52	2111757	Phan Anh Minh	29/09/2003	DD21DV3	Cà Mau	Tỉnh Sóc Trăng	3,20	Giỏi	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
53	2114075	Trần Hoàng Minh	04/10/2003	DD21TD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520216	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
54	1914240	Nguyễn Thanh Nam	17/05/2001	DD19KTD3	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	7,02	Khá	7520201	DH	Toeic 575	Kỹ thuật Điện	
55	2013869	Mai Tấn Nghĩa	15/08/2002	DD20DV4	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	7,07	Khá	7520207	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
56	2010446	Nguyễn Minh Nghĩa	06/05/2002	DD20DV4	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6,94	TB Khá	7520207	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
57	2010452	Nguyễn Tuấn Ngọc	07/02/2002	DD20TD1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,54	Khá	7520216	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
58	2111909	Nguyễn Vĩ Nhân	27/09/2003	DD21TD2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2,70	Khá	7520216	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
59	2111919	Lê Minh Nhật	05/10/2003	DD21DV3	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	2,90	Khá	7520207	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
60	2114304	Đàm Yến Nhi	18/02/2003	DD21TD2	Đồng Nai	Tỉnh Bình Phước	3,00	Khá	7520216	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
61	1914533	Nguyễn Tiến Nhuận	06/12/2001	DD19KTD5	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6,68	TB Khá	7520201	DH	Toeic 590	Kỹ thuật Điện	
62	2111971	Đoàn Thuận Phát	30/11/2003	DD21DV3	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,60	Khá	7520207	DH	Toeic 895	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
63	2014079	Ngô Đại Phát	12/03/2002	DD20KTD3	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,07	Khá	7520201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Điện	
64	2111978	Nguyễn Đức Phát	03/01/2003	DD21KSTD	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Toeic 785	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
65	2111980	Nguyễn NguyễnCường Phát	13/11/2003	DD21TD2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,80	Khá	7520216	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
66	2011815	Nguyễn Doãn Phong	04/11/2002	DD20KTD3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,58	Khá	7520201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Điện	
67	2114409	Bạch Ngọc Phú	04/05/2003	DD21KSTD	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Toeic 710	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
68	2112047	Nguyễn Hữu Phúc	11/01/2003	DD21KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520201	DH	Toeic 940	Kỹ thuật Điện	
69	2114448	Nguyễn Trọng Phúc	15/11/2003	DD21KSTD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520216	TN	Toeic 795	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
70	1914828	Nguyễn Đặng Hoàng Quân	09/02/2000	DD19DV6	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6,58	TB Khá	7520207	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
71	2112127	Nguyễn Viết Minh Quân	17/12/2003	DD21KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,30	Trung bình	7520201	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện	
72	2114568	Đặng Kiến Quốc	02/10/2003	DD21DV4	Khánh Hòa	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7520207	DH	Toeic 960	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
73	2010562	Nguyễn Minh Quốc	19/09/2002	DD20TD2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	8,01	Giỏi	7520216	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
74	2014307	Võ Văn Quốc	28/02/2002	DD20TD2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	7,62	Khá	7520216	DH	Toeic 760	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
75	2011952	Phạm Xuân Quý	02/03/2002	DD20DV4	Bình Phước	Tỉnh Bình Dương	6,63	TB Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
76	1914885	Nguyễn Hữu Quyền	05/05/2001	DD19KTD4	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	6,72	TB Khá	7520201	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Điện	
77	1914940	Bùi Xuân Sơn	28/01/2001	DD19DV6	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,75	TB Khá	7520207	DH	Toeic 590	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
78	2114694	Nguyễn Thế Tài	30/06/2003	DD21TD2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
79	2114696	Nguyễn Tứ Tài	05/02/2003	DD21TD2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
80	2012001	Phạm Tấn Tài	02/04/2002	DD20KTD1	Long An	Tỉnh Long An	6,67	TB Khá	7520201	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điện	
81	2014436	Phạm Minh Tâm	19/12/2002	DD20KTD1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6,87	TB Khá	7520201	DH	Toeic 870	Kỹ thuật Điện	
82	2112264	Nguyễn Đình Tấn	25/09/2003	DD21TD2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7520216	DH	Toeic 910	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
83	2114742	Nguyễn Trọng Phú Tấn	12/02/2003	DD21TD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
84	2114745	Võ Trọng Tấn	17/03/2003	DD21TD1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,00	Khá	7520216	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
85	2112335	Nguyễn Đức Thắng	20/08/2003	DD21DV4	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
86	2114774	Huỳnh Chí Thành	14/02/2003	DD21TD2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Khá	7520216	DH	Toeic 905	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
87	2012044	Lại Phúc Thành	11/02/2002	DD20KTD1	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	8,05	Giỏi	7520201	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Điện	
88	2110536	Nguyễn Trọng Thao	03/05/2003	DD21KSTD	Bình Định	Tỉnh Kon Tum	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Toeic 870	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
89	2014554	Nguyễn Đức Thế	16/04/2002	DD20DV1	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	7,08	Khá	7520207	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
90	2012114	Nguyễn Đức Thịnh	06/11/2002	DD20DV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,00	Khá	7520207	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
91	2112416	Lê Duy Thức	19/01/2003	DD21DV4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520207	DH	Ielts 7.0	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
92	2114981	Bùi Đăng Tiến	28/05/2003	DD21TD2	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520216	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
93	1915467	Bùi Đình Tiến	03/10/2001	DD19DV7	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	6,71	TB Khá	7520207	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
94	2012213	Nguyễn Hoàng Tín	01/08/2002	DD20DV1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	7,30	Khá	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
95	2110588	Châu Ngọc Tình	01/04/2003	DD21DV4	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520207	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
96	2112455	Đan Chí Phúc Toàn	05/12/2003	DD21TD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 945	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
97	2112526	Ngô Phú Trọng	03/06/2003	DD21TD2	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 875	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
98	2014891	Phạm Văn Trung	05/05/2002	DD20DV1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,65	Khá	7520207	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
99	2115126	Phan Vũ Thành Trung	15/06/2003	DD21DV4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520207	DH	Toeic 875	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
100	2012310	Võ Thành Trung	21/03/2002	DD20DV1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,60	TB Khá	7520207	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
101	2112556	Nguyễn Lâm Trường	29/08/2003	DD21DV4	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	3,10	Khá	7520207	DH	Toeic 860	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
102	2112602	Ngô Đình Tú	28/01/2003	DD21TD2	Long An	Tỉnh Tiền Giang	2,60	Khá	7520216	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
103	2010766	Phan Xuân Anh Tú	19/08/2002	DD20TD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,42	Khá	7520216	DH	Toeic 955	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
104	2115165	Đoàn Anh Tuấn	31/07/2003	DD21DV4	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,00	Khá	7520207	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
105	2112613	Lê Thanh Tùng	31/07/2003	DD21TD2	Long An	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520216	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
106	2115242	Trần Văn Tường	17/11/2003	DD21TD2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2,90	Khá	7520216	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
107	2112626	Phan Thanh Ty	03/06/2003	DD21TD2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
108	2112628	Lê Hoàng Phương Uyên	12/09/2002	DD21TD2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7520216	DH	Toeic 805	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
109	1910696	Nguyễn Lê Minh Vĩ	13/03/2001	DD19TD5	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	7,20	Khá	7520216	DH	Toeic 580	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
110	2115284	Nguyễn Thái Việt	12/12/2003	DD21DV4	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,90	Khá	7520207	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
111	2112667	Nguyễn Đức Vũ	11/03/2003	DD21KTD3	Ninh Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520201	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Điện	
112	2110677	Tô Minh Vũ	23/01/2003	DD21DV4	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,50	Giỏi	7520207	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
113	2112678	Nguyễn Minh Vương	02/08/2003	DD21DV4	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,80	Khá	7520207	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
114	2112691	Trần Lê Hà Vy	07/05/2003	DD21KTD3	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	2,70	Khá	7520201	DH	Toeic 880	Kỹ thuật Điện	
Khoa Kỹ thuật Giao thông													
1	1912525	Mai Thành An	12/09/2001	GT19HK1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6,47	TB Khá	7520120	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Hàng không	
2	2110704	Nguyễn Văn Bảo An	10/11/2003	GT21OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520130	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Ô tô	
3	2110998	Đỗ Thành Đạt	17/03/2003	GT21OTO1	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520130	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Ô tô	
4	2011244	Huỳnh Gia Hòa	18/10/2002	GT20TAU1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	7,26	Khá	7520122	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Tàu thủy	
5	2011244	Huỳnh Gia Hòa	18/10/2002	GT20HK1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	7,26	Khá	7520120	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Hàng không	
6	1911286	Nguyễn Phi Hùng	18/12/2001	GT19OTO3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,94	TB Khá	7520130	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Ô tô	
7	2113453	Châu An Huy	23/02/2003	GT21OTO3	Gia Lai	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7520130	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Ô tô	
8	2111291	Huỳnh Lê Huy	27/02/2003	GT21OTO2	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520130	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Ô tô	
9	2113732	Trần Quang Khải	23/09/2003	GT21OTO2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,80	Khá	7520130	DH	Ielts 7.0	Kỹ thuật Ô tô	
10	2110286	Nguyễn Lê Đình Khôi	03/10/2003	GT21OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520130	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Ô tô	
11	2111610	Trần Anh Kiệt	10/12/2003	GT21OTO1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520130	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Ô tô	
12	2010406	Nguyễn Đức Mạnh	03/04/2002	GT20OTO1	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	7,73	Khá	7520130	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Ô tô	
13	2013753	Hoàng Chẩn Minh	22/07/2002	GT20OTO3	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7,09	Khá	7520130	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Ô tô	
14	2114248	Đặng Bùi Chí Nguyễn	18/02/2003	GT21OTO3	Khác	Tỉnh Hậu Giang	3,70	Xuất Sắc	7520130	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Ô tô	
15	2114330	Trần Trọng Nhuân	28/12/2003	GT21OTO3	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,30	Giỏi	7520130	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Ô tô	
16	2110430	Lê Minh Nhựt	22/03/2003	GT21OTO1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,80	Khá	7520130	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
17	2114364	Đào Vũ Phát	19/03/2003	GT21OTO3	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2,80	Khá	7520130	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Ô tô	
18	2114469	Đỗ Viết Lê Phương	10/12/2003	GT21OTO3	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,20	Giỏi	7520130	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Ô tô	
19	2011933	Nguyễn Anh Quốc	22/08/2002	GT20TAU1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,80	Khá	7520122	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Tàu thủy	
20	2011933	Nguyễn Anh Quốc	22/08/2002	GT20HK1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,80	Khá	7520120	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Hàng không	
21	1915024	Nguyễn Dương Quốc Tâm	03/02/2001	GT19OTO2	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	7,03	Khá	7520130	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Ô tô	
22	2014671	Dương Thị Anh Thư	12/05/2002	GT20TAU1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	8,04	Giỏi	7520122	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Tàu thủy	
23	2014671	Dương Thị Anh Thư	12/05/2002	GT20HK1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	8,04	Giỏi	7520120	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Hàng không	
24	2014753	Phạm Minh Tín	03/07/2001	GT20TAU1	Quảng Nam	Tỉnh Bình Dương	7,64	Khá	7520122	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Tàu thủy	
25	2014753	Phạm Minh Tín	03/07/2001	GT20HK1	Quảng Nam	Tỉnh Bình Dương	7,64	Khá	7520120	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Hàng không	
26	2115113	Lê Chí Trung	22/11/2003	GT21OTO3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,10	Khá	7520130	DH	Toeic 900	Kỹ thuật Ô tô	
27	2112623	Nguyễn Trần Nguyên Tường	26/11/2003	GT21OTO1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,70	Khá	7520130	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
Khoa Kỹ thuật Hóa học													
1	2112736	Ngô Triết An	17/06/2003	HC21VS	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	2,80	Khá	7520301	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Hóa học	
2	2112753	Bùi Thị Vân Anh	31/01/2003	HC21VS	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Hóa học	
3	2112771	Lê Võ Ngọc Anh	21/09/2003	HC21SH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7420201	DH	Toeic 770	Công nghệ Sinh học	
4	2112815	Trần Lê Anh	23/08/2003	HC21VS	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
5	2112816	Trần Minh Anh	14/02/2003	HC21KTHD	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,50	Giỏi	7520301	TN	Toeic 865	Kỹ thuật Hóa học	
6	2112821	Trần Tuấn Anh	28/09/2003	HC21CHC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 895	Kỹ thuật Hóa học	
7	2112896	Hồ Gia An Bình	04/09/2003	HC21VS	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Hóa học	
8	2112898	Mai Thị Thanh Bình	09/10/2003	HC21VS	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Hóa học	
9	2112918	Hà Dương Bảo Châu	17/11/2003	HC21KTHL	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Toeic 710	Kỹ thuật Hóa học	
10	2110849	Bùi Thị Kim Chi	28/06/2003	HC21HLY	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Hóa học	
11	2110891	Vương Khánh Cường	22/09/2003	HC21MB	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Hóa học	
12	2111044	Lý Lâm Hải Đăng	19/01/2003	HC21CHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	IELTS 5.5	Kỹ thuật Hóa học	
13	2111047	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	24/08/2003	HC21VS	Bình Dương	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 935	Kỹ thuật Hóa học	
14	2012900	Cao Xuân Đào	09/02/2002	HC20DK	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	7,13	Khá	7520301	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Hóa học	
15	2012891	Trầm Thị Thùy Dương	06/01/2002	HC20SH	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,03	Khá	7420201	DH	Toeic 635	Công nghệ Sinh học	
16	2113256	Nguyễn Thị Hà Giang	28/11/2003	HC21DK	Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	2,60	Khá	7520301	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Hóa học	
17	2013061	Bùi Duy Hải	20/11/2002	HC20MB1	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,03	Khá	7520301	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Hóa học	
18	2113311	Hồ Khả Hân	21/07/2003	HC21DK	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Hóa học	
19	2110174	La Thị Huỳnh Hoa	03/07/2003	HC21VS	Long An	Tỉnh Long An	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Hóa học	
20	2113428	Dương Văn Hòa	09/03/2003	HC21KTHL	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Toeic 940	Kỹ thuật Hóa học	
21	2111266	Vũ Vân Hòa	31/08/2003	HC21TP	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,40	Giỏi	7540101	DH	Toeic 690	Công nghệ Thực phẩm	
22	2111227	Đặng Huy Hoàng	06/12/2003	HC21TP	Bình Dương	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7540101	DH	Toeic 605	Công nghệ Thực phẩm	
23	2113611	Phan Cảnh Hưng	07/08/2003	HC21DK	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7520301	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
24	2113630	Phan Hoa Ngọc Hương	11/12/2003	HC21KTHC	Quảng Nam	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Toeic 880	Kỹ thuật Hóa học	
25	2113469	Hà Nguyễn Minh Huy	21/11/2003	HC21TP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7540101	DH	Ielts 5.5	Công nghệ Thực phẩm	
26	2111320	Nguyễn Đức Huy	19/04/2003	HC21TP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7540101	DH	Toeic 695	Công nghệ Thực phẩm	
27	2113565	Lê Võ Mỹ Huyền	17/01/2003	HC21HLY	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3,00	Khá	7520301	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Hóa học	
28	2111377	Nguyễn Ngọc Như Huỳnh	09/09/2003	HC21TP	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7540101	DH	Toeic 675	Công nghệ Thực phẩm	
29	2113654	Đặng Trần Vĩ Khang	23/06/2003	HC21VS	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Hóa học	
30	2011386	Lê Quốc Khánh	02/09/2002	HC20TP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,91	TB Khá	7540101	DH	Ielts 7.0	Công nghệ Thực phẩm	
31	2111553	Đỗ Thành Khôi	01/01/2002	HC21HD	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,40	Giỏi	7520301	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Hóa học	
32	2011478	Bùi Đỗ Tuấn Kiệt	14/08/2002	HC20VS	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Lâm Đồng	7,04	Khá	7520301	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Hóa học	
33	2111595	Huỳnh Tuấn Kiệt	20/05/2003	HC21VS	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520301	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Hóa học	
34	2113829	Đặng Thị Kiều	08/10/2003	HC21CHC	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	3,50	Giỏi	7520301	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Hóa học	
35	2113830	Lê Thị Thúy Kiều	01/09/2003	HC21HD	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,90	Khá	7520301	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Hóa học	
36	2113898	Đoàn Nguyễn Thùy Linh	19/04/2003	HC21TP	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,20	Giỏi	7540101	DH	Toeic 630	Công nghệ Thực phẩm	
37	2113954	Đinh Thiên Phước Lộc	21/04/2003	HC21HD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Hóa học	
38	2110345	Võ Phước Lộc	21/01/2003	HC21MB	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Khá	7520301	DH	Toeic 810	Kỹ thuật Hóa học	
39	2110333	Nguyễn Thành Long	28/11/2003	HC21CHC	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,90	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Hóa học	
40	2114000	Dương Thị Cẩm Ly	24/01/2003	HC21DK	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 805	Kỹ thuật Hóa học	
41	2114018	Trần Thị Thanh Mai	25/12/2003	HC21TP	Thái Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7540101	DH	Toeic 930	Công nghệ Thực phẩm	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
42	2114049	Lê Khải Minh	04/11/2003	HC21HLY	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,00	Khá	7520301	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Hóa học	
43	2111769	Trần Đặng Công Minh	15/12/2003	HC21SH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7420201	DH	Toeic 675	Công nghệ Sinh học	
44	2114092	Lê Trần Liễu My	12/02/2003	HC21DK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,20	Trung bình	7520301	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Hóa học	
45	2114102	Hồ Thị Hoàng Mỹ	14/11/2003	HC21SH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7420201	DH	Toeic 675	Công nghệ Sinh học	
46	1914244	Nguyễn Văn Nam	08/03/2001	HC19CHC	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,77	TB Khá	7520301	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Hóa học	
47	2010435	Nguyễn Hoàng Trúc Ngân	01/02/2002	HC20SH	An Giang	Tỉnh An Giang	7,63	Khá	7420201	DH	Toeic 625	Công nghệ Sinh học	
48	2114153	Nguyễn Thị Bích Ngân	28/07/2003	HC21VS	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7520301	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Hóa học	
49	2114159	Trương Thị Tuyết Ngân	28/07/2003	HC21VS	An Giang	Tỉnh An Giang	2,90	Khá	7520301	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Hóa học	
50	2114168	Tiết Mỹ Nghi	11/10/2003	HC21HLY	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Hóa học	
51	2011681	Đoàn Thái Ngọc	28/11/2002	HC20HLY	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6,55	TB Khá	7520301	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Hóa học	
52	2011703	Nguyễn Hùng Nguyên	25/09/2002	HC20SH	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	7,13	Khá	7420201	DH	Toeic 895	Công nghệ Sinh học	
53	2013999	Nguyễn Thành Nhật	09/02/2002	HC20MB1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,16	Giỏi	7520301	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Hóa học	
54	2114324	Trần Tuyết Nhi	12/11/2003	HC21HD	An Giang	Tỉnh An Giang	3,70	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Hóa học	
55	2114339	Phạm Thị Quỳnh Như	30/11/2003	HC21TP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Toeic 830	Công nghệ Thực phẩm	
56	2114399	Lê Thành Phong	28/08/2003	HC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Hóa học	
57	2114403	Thái Quốc Huy Phong	10/12/2003	HC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tiền Giang	3,40	Giỏi	7520301	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Hóa học	
58	2114437	Nguyễn Hoàng Phúc	13/07/2003	HC21HLY	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Hóa học	
59	2114454	Trần Hồng Phúc	18/07/2003	HC21DK	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Vĩnh Long	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Hóa học	
60	2114488	Nguyễn Thị Ngọc Phước	04/02/2003	HC21HLY	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,00	Khá	7520301	DH	Toeic 715	Kỹ thuật Hóa học	
61	2114468	Diệp Bảo Uyển Phương	11/10/2003	HC21CHC	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 760	Kỹ thuật Hóa học	
62	2114479	Nguyễn Thị Ngọc Phương	17/11/2003	HC21CHC	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 910	Kỹ thuật Hóa học	
63	2114576	Tôn Anh Quốc	27/08/2003	HC21DK	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7520301	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Hóa học	
64	2114615	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	25/10/2003	HC21HD	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Hóa học	
65	2114679	Đoàn Hữu Tuấn Tài	14/04/2003	HC21DK	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	2,70	Khá	7520301	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Hóa học	
66	2114681	Huỳnh Nguyễn Đức Tài	11/03/2003	HC21MB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	DH	Toeic 885	Kỹ thuật Hóa học	
67	2112238	Nguyễn Minh Mỹ Tâm	08/03/2003	HC21SH	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,50	Khá	7420201	DH	Ielts 5.5	Công nghệ Sinh học	
68	1915049	Lê Nguyễn Nhật Tân	04/01/2001	HC19SH2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	7,20	Khá	7420201	DH	Toeic 675	Công nghệ Sinh học	
69	2014464	Lê Cẩm Thanh	20/05/2001	HC20SH	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7,02	Khá	7420201	DH	Toeic 720	Công nghệ Sinh học	
70	2110534	Nguyễn Chí Thanh	06/01/2003	HC21SH	An Giang	Tỉnh An Giang	3,70	Xuất Sắc	7420201	DH	Toeic 670	Công nghệ Sinh học	
71	2112316	Phan Thị Thanh Thảo	05/04/2003	HC21VS	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,10	Khá	7520301	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Hóa học	
72	2112320	Vũ Minh Thảo	21/12/2003	HC21TP	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,40	Giỏi	7540101	DH	Toeic 715	Công nghệ Thực phẩm	
73	2114854	Hồ Thái Anh Thi	09/08/2003	HC21SH	Thái Lan	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7420201	DH	Ielts 8.0	Công nghệ Sinh học	
74	2114875	Nguyễn Thị Thiện	15/02/2003	HC21KTHC	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,50	Giỏi	7520301	TN	Toeic 715	Kỹ thuật Hóa học	
75	2114900	Phạm Trường Thịnh	05/01/2003	HC21VS	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	2,90	Khá	7520301	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Hóa học	
76	2114950	Đinh Anh Thư	30/05/2002	HC21TP	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,00	Khá	7540101	DH	Toeic 610	Công nghệ Thực phẩm	
77	2114956	Nguyễn Anh Thư	02/09/2003	HC21SH	Phú Yên	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7420201	DH	Toeic 810	Công nghệ Sinh học	
78	2114935	Nguyễn Đức Thuận	08/10/2002	HC21CHC	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 810	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
79	2114942	Hoàng Vũ Thanh Thúy	01/11/2003	HC21HLY	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7520301	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Hóa học	
80	2014743	Huỳnh Trung Tín	02/02/2002	HC20MB1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	6,70	TB Khá	7520301	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Hóa học	
81	2115010	Nguyễn Hùng Tín	01/12/2003	HC21TP	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,30	Giỏi	7540101	DH	Toeic 625	Công nghệ Thực phẩm	
82	2115060	Nguyễn Hà Bảo Trân	12/11/2003	HC21MB	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,40	Trung bình	7520301	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Hóa học	
83	1915612	Nguyễn Ngọc Trân	02/06/2001	HC19MB2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6,64	TB Khá	7520301	DH	Toeic 560	Kỹ thuật Hóa học	
84	2010745	Đỗ Ngọc Thanh Trúc	04/02/2002	HC20SH	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,34	Khá	7420201	DH	Toeic 660	Công nghệ Sinh học	
85	2115137	Trang Phạm Thanh Trúc	21/11/2003	HC21SH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7420201	DH	Toeic 775	Công nghệ Sinh học	
86	2115130	Hà Đức Truyền	03/04/2003	HC21HLY	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7520301	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Hóa học	
87	2115213	Đặng Thị Cẩm Tú	03/12/2003	HC21KTTP	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	3,40	Giỏi	7540101	TN	Ielts 6.0	Công nghệ Thực phẩm	
88	2014990	Trần Thị Cẩm Tú	15/07/2002	HC20VS	Cao Bằng	Tỉnh Bình Dương	6,75	TB Khá	7520301	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Hóa học	
89	1915841	Thượng Sơn Tùng	24/07/2001	HC19DK	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tiền Giang	7,05	Khá	7520301	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Hóa học	
90	2115246	Đinh Vũ Mỹ Uyên	06/09/2003	HC21CHC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Hóa học	
91	2115253	Trần Nguyễn Phương Uyên	15/12/2003	HC21HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Hóa học	
92	2153978	Võ Trần Gia Vĩ	17/04/2003	HC21CHC	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Hóa học	
93	2115272	Ngô Trần Bảo Việt	17/04/2003	HC21MB	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Toeic 830	Kỹ thuật Hóa học	
94	2115298	Nguyễn Hiếu Vinh	27/06/2003	HC21SH	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,30	Giỏi	7420201	DH	Toeic 830	Công nghệ Sinh học	
95	2115299	Nguyễn Phúc Vinh	20/08/2003	HC21KTHC	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Toeic 705	Kỹ thuật Hóa học	
96	2115354	Phạm Nguyễn Bảo Vy	10/12/2003	HC21TP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7540101	DH	Toeic 755	Công nghệ Thực phẩm	
Khoa Môi trường và Tài nguyên													
1	2010123	Nguyễn Thị Lan Anh	03/09/2002	MO20QLM	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,89	Khá	7850101	DH	Toeic 610	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
2	2110827	Phạm Gia Bình	17/02/2003	MO21QLM	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7850101	DH	Toeic 775	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
3	1913283	Nguyễn Cẩm Hằng	28/08/2001	MO19KMT1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6,72	TB Khá	7520320	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Môi trường	
4	2113369	Nguyễn Bích Hiền	13/10/2003	MO21QLM	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	3,00	Khá	7850101	DH	Toeic 860	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
5	2110222	Võ Văn Hùng	16/03/2003	MO21KMT1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,30	Giỏi	7520320	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Môi trường	
6	2013809	Phạm Thoại Nhã My	29/05/2002	MO20KMT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,25	Khá	7520320	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Môi trường	
7	2114104	Nguyễn Ngọc Gia Mỹ	16/01/2003	MO21QLM	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7850101	DH	Toeic 670	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
8	2114146	Hoàng Thu Ngân	06/10/2003	MO21QLM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7850101	DH	Toeic 640	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
9	2013847	Ngô Kim Ngân	25/07/2002	MO20QLM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,13	Khá	7850101	DH	Toeic 655	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
10	2013895	Nguyễn Thị Duyên Ngọc	20/01/2002	MO20KMT1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	7,38	Khá	7520320	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Môi trường	
11	2114209	Diệp Khai Nguyên	21/11/2003	MO21KMT1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	2,40	Trung bình	7520320	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Môi trường	
12	2114355	Nguyễn Dương Thảo Ny	07/03/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520320	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Môi trường	
13	2014137	Lưu Đình Phú	11/04/2002	MO20KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,21	Khá	7520320	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Môi trường	
14	2114446	Nguyễn Thành Phúc	25/02/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520320	DH	Toeic 905	Kỹ thuật Môi trường	
15	1914871	Huỳnh Lê Mỹ Quyên	18/07/2001	MO19QLM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,70	Khá	7850101	DH	Toeic 580	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
16	2114699	Quách Diệp Tấn Tài	21/01/2003	MO21KMT1	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	2,90	Khá	7520320	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Môi trường	
17	2114712	Lê Thanh Tâm	16/07/2003	MO21KMT1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7520320	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Môi trường	
18	2114891	Nguyễn Đức Thịnh	01/05/2003	MO21KMT1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520320	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Môi trường	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
19	2014679	Nguyễn Thị Minh Thư	27/03/2002	MO20KMT1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,72	Khá	7520320	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Môi trường	
20	2014813	Đặng Ngọc Trâm	22/01/2002	MO20QLM	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,22	Khá	7850101	DH	Toeic 705	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
21	2115059	Lê Thị Mỹ Trân	26/11/2003	MO21QLM	Long An	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7850101	DH	Toeic 630	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
22	1915616	Nguyễn Thị Quế Trân	04/01/2001	MO19QLM	Long An	Tỉnh Long An	6,93	TB Khá	7850101	DH	Toeic 555	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
23	2115267	Nguyễn Tường Vi	07/04/2003	MO21KMT1	Long An	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520320	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Môi trường	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính													
1	2110003	Lê Quốc An	21/03/2003	MT21KH03	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 675	Khoa học Máy tính	
2	2110717	Vũ Hoàng Thiên An	20/11/2003	MT21KT02	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7480106	DH	Toeic 875	Kỹ thuật Máy tính	
3	2112796	Nguyễn Trường Tuấn Anh	28/12/2003	MT21KH09	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tây Ninh	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 715	Khoa học Máy tính	
4	2112801	Nguyễn Việt Anh	30/08/2003	MT21KH11	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,80	Khá	7480101	DH	Ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
5	2110759	Trần Tuấn Anh	12/08/2003	MT21KT03	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	DH	Toeic 925	Kỹ thuật Máy tính	
6	2110023	Trịnh Hoàng Anh	03/05/2003	MT21KT01	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,80	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 850	Kỹ thuật Máy tính	
7	2012681	Bùi Quang Bằng	01/02/2002	MT20KT06	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,73	TB Khá	7480106	DH	Toeic 715	Kỹ thuật Máy tính	
8	2112887	Từ Huy Bảo	05/05/2003	MT21KH08	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	3,00	Khá	7480101	DH	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
9	2110054	Hà Văn Châu	25/10/2003	MT21KH02	Đồng Tháp	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 705	Khoa học Máy tính	
10	2112933	Lê Minh Chiến	04/09/2003	MT21KT04	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,10	Khá	7480106	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Máy tính	
11	2110120	Hoàng Minh Hải Đăng	12/05/2003	MT21KH07	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 870	Khoa học Máy tính	
12	2220003	Nguyễn Thành Đạt	01/01/1996	MT22B2KH	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	B2	Toeic 685	Khoa học Máy tính	
13	2111023	Nông Sỹ Đạt	10/02/2003	MT21KH05	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 755	Khoa học Máy tính	
14	2113162	Trần Tiến Đạt	17/07/2003	MT21KT06	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	3,20	Khá	7480106	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Máy tính	
15	2113055	Bùi Tiến Dũng	23/09/2003	MT21KH10	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 790	Khoa học Máy tính	
16	2113064	Mai Trọng Dũng	28/08/2003	MT21KT03	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Máy tính	
17	2110101	Phạm Anh Dũng	12/11/2003	MT21KH05	Thái Bình	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 885	Khoa học Máy tính	
18	2110103	Hà Thùy Dương	15/02/2003	MT21KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 610	Khoa học Máy tính	
19	2110091	Nguyễn Phương Duy	09/10/2003	MT21KH04	An Giang	Tỉnh An Giang	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 725	Khoa học Máy tính	
20	2110934	Nguyễn Tuấn Duy	21/07/2003	MT21KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 605	Khoa học Máy tính	
21	2113050	Lê Thị Kỳ Duyên	07/01/2003	MT21KT05	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7480106	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Máy tính	
22	2013063	Chế Lan Hải	19/08/2002	MT20KT05	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,39	Khá	7480106	DH	Toeic 810	Kỹ thuật Máy tính	
23	2110154	Phan Thanh Hải	23/09/2003	MT21KH05	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 720	Khoa học Máy tính	
24	2110160	Trịnh Văn Hân	17/12/2003	MT21KH07	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 605	Khoa học Máy tính	
25	1913228	Quách Anh Hào	30/01/2001	MT19KT02	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6,55	TB Khá	7480106	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Máy tính	
26	2111203	Nguyễn Thanh Hiền	06/06/2003	MT21KT03	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	DH	Ielts 8.0	Kỹ thuật Máy tính	
27	2113358	Nguyễn Trung Hiếu	30/09/2003	MT21KT04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480106	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
28	2113363	Trần Minh Hiếu	02/12/2003	MT21KH12	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 625	Khoa học Máy tính	
29	2111213	Phạm Thế Hiếu	14/02/2003	MT21KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 885	Khoa học Máy tính	
30	1913406	Phan Thanh Hoan	12/10/2001	MT19KT02	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6,87	TB Khá	7480106	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Máy tính	
31	2110182	Lê Minh Hoàng	10/01/2003	MT21KH03	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7480101	DH	IELTS 7.0	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
32	2113422	Võ Hoàng	22/09/2003	MT21KT04	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Nông	3,60	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Máy tính	
33	2111386	Nguyễn Tuấn Hùng	20/02/2003	MT21KT01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480106	DH	Toeic 975	Kỹ thuật Máy tính	
34	2113614	Phạm Đình Mạnh Hưng	28/09/2003	MT21KH09	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 600	Khoa học Máy tính	
35	2013401	ứng Văn Hưng	04/03/2002	MT20KT05	Hà Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,07	Khá	7480106	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Máy tính	
36	2113481	Lê Đình Huy	15/05/2003	MT21KHTN	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 755	Khoa học Máy tính	
37	1913693	Lê Mậu Phúc Khang	17/10/2001	MT19KT01	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	6,72	TB Khá	7480106	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Máy tính	
38	2110245	Phạm Phú Khang	28/05/2003	MT21KH06	Trà Vinh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 885	Khoa học Máy tính	
39	2110250	Lại Nguyễn Tuấn Khanh	18/03/2003	MT21KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Toeic 845	Khoa học Máy tính	
40	2013452	Đào Quốc Khánh	01/09/2002	MT20KH12	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Bình Phước	8,01	Giỏi	7480101	DH	Toeic 875	Khoa học Máy tính	
41	2013458	Nguyễn Hoàng Quang Khánh	25/06/2002	MT20KH08	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,14	Khá	7480101	DH	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
42	2220011	Vũ Trường Khoa	23/11/1999	MT22B2KH	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7480101	B2	Toeic 605	Khoa học Máy tính	
43	2113791	Hồ Chí Anh Khôi	16/11/2003	MT21KT04	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,30	Giỏi	7480106	DH	Toeic 670	Kỹ thuật Máy tính	
44	2111573	Đỗ Trung Kiên	17/06/2003	MT21KT02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480106	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Máy tính	
45	2110304	Phạm Anh Kiệt	14/10/2003	MT21KH05	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7480101	DH	Toeic 755	Khoa học Máy tính	
46	2013596	Lê Văn Lâm	07/06/2002	MT20KH11	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7,87	Khá	7480101	DH	Toeic 710	Khoa học Máy tính	
47	2111666	Nguyễn Châu Long	06/05/2003	MT21KH05	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 935	Khoa học Máy tính	
48	1911520	Nguyễn Vương Long	11/01/2001	MT19KH10	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,97	TB Khá	7480101	DH	Toeic 975	Khoa học Máy tính	
49	2211909	Trương Thành Long	26/04/2002	MT22KH05	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 930	Khoa học Máy tính	
50	2011592	Trần Tiến Lực	15/09/2001	MT20KH05	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,18	Khá	7480101	DH	Toeic 840	Khoa học Máy tính	
51	2110359	Nguyễn Tuấn Minh	02/12/2003	MT21KHTN	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 840	Khoa học Máy tính	
52	2114066	Phan Lê Nhật Minh	10/03/2003	MT21KH09	Quảng Trị	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7480101	DH	Ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
53	2114111	Đỗ Phương Nam	21/12/2003	MT21KH10	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 870	Khoa học Máy tính	
54	1914227	Nguyễn Hoài Nam	07/10/2001	MT19KH05	Đồng Nai	Tỉnh Bình Định	7,50	Khá	7480101	DH	Toeic 585	Khoa học Máy tính	
55	2114149	Lã Thị Kiều Ngân	18/10/2003	MT21KT04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 790	Kỹ thuật Máy tính	
56	2114184	Nguyễn Trung Nghĩa	08/06/2003	MT21KH09	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 905	Khoa học Máy tính	
57	2111860	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	29/10/2003	MT21KHTN	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Nông	3,50	Giỏi	7480101	TN	Toeic 960	Khoa học Máy tính	
58	2011698	Hà Vĩnh Nguyên	13/12/2002	MT20KT02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,16	Khá	7480106	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Máy tính	
59	2110393	Hoàng Đức Nguyên	04/05/2003	MT21KHTN	Đăk Nông	Tỉnh Đăk Nông	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 815	Khoa học Máy tính	
60	2013917	Mã Hoàng Khôi Nguyên	16/01/2002	MT20KH10	Cao Bằng	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,03	Khá	7480101	DH	Toeic 605	Khoa học Máy tính	
61	2111888	Vũ Trung Nguyên	16/09/2003	MT21KH04	Đồng Nai	Tỉnh Bình Phước	2,90	Khá	7480101	DH	Toeic 730	Khoa học Máy tính	
62	2114277	Từ Mai Thế Nhân	21/07/2003	MT21KH09	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 705	Khoa học Máy tính	
63	2114278	Võ Ngọc Thành Nhân	13/11/2003	MT21KHTN	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 810	Khoa học Máy tính	
64	2110416	Đặng Dương Minh Nhật	19/01/2003	MT21KHTN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 775	Khoa học Máy tính	
65	2114303	Trương Hoàng Nhật	03/10/2003	MT21KHTN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 785	Khoa học Máy tính	
66	2212481	Nguyễn Quốc Nhựt	24/09/2002	MT22KH05	Cà Mau	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 850	Khoa học Máy tính	
67	2114404	Trần Đình Phong	23/09/2003	MT21KT06	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480106	DH	Toeic 775	Kỹ thuật Máy tính	
68	2114417	Nguyễn Ngọc Phú	23/01/2003	MT21KH01	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 690	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
69	2110451	Huỳnh Nguyên Phúc	09/04/2003	MT21KH04	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 870	Khoa học Máy tính	
70	2110457	Nguyễn Phan Hoàng Phúc	12/10/2003	MT21KHTN	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 755	Khoa học Máy tính	
71	2114452	Trần Bảo Phúc	02/07/2003	MT21KH11	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 720	Khoa học Máy tính	
72	2112109	Cao Minh Quân	23/10/2003	MT21KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 980	Khoa học Máy tính	
73	2110479	Nguyễn Phúc Minh Quân	23/12/2003	MT21KH02	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7480101	DH	Ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
74	2114554	Phạm Hồng Quân	04/01/2003	MT21KT05	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Khá	7480106	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
75	2014251	Tô Dịu Quang	18/08/2002	MT20KT06	Sóc Trăng	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,44	Khá	7480106	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Máy tính	
76	2114605	Nguyễn Ngọc Quý	13/06/2003	MT21KH12	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 775	Khoa học Máy tính	
77	2112205	Huỳnh Tấn Sỹ	09/01/2003	MT21KH04	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 940	Khoa học Máy tính	
78	2114741	Nguyễn Anh Tấn	02/09/2003	MT21KH12	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 640	Khoa học Máy tính	
79	2114798	Nguyễn Trường Thản	10/01/2003	MT21KT05	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,50	Giỏi	7480106	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Máy tính	
80	2112327	Dương Phúc Thắng	03/03/2003	MT21KH01	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 695	Khoa học Máy tính	
81	2110551	Trần Quốc Thắng	23/10/2003	MT21KH07	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7480101	DH	Ielts 7.0	Khoa học Máy tính	
82	2114749	Đoàn Nguyễn Trúc Thanh	25/03/2003	MT21KH09	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,10	Khá	7480101	DH	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
83	2110540	Nguyễn Sỹ Thành	11/07/2003	MT21KH01	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 700	Khoa học Máy tính	
84	1814038	Võ Công Thành	29/02/2000	MT18KH06	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	7,00	Khá	7480101	DH	Toeic 640	Khoa học Máy tính	
85	2014583	Trần Văn Thiện	04/12/2002	MT20KH08	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Nông	6,82	TB Khá	7480101	DH	Toeic 600	Khoa học Máy tính	
86	2114911	Nguyễn Hữu Thọ	15/06/2003	MT21KT05	Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	3,60	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 760	Kỹ thuật Máy tính	
87	2114913	Nguyễn TrươngPhước Thọ	15/04/2002	MT21KH12	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 885	Khoa học Máy tính	
88	2114939	Trần Minh Thuận	07/01/2003	MT21KH10	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,00	Khá	7480101	DH	Toeic 795	Khoa học Máy tính	
89	2112394	Vũ Ngọc Thuận	30/11/2003	MT21KH01	Thái Bình	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 820	Khoa học Máy tính	
90	2112429	Đỗ Hoàng Tiến	09/09/2003	MT21KH02	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 640	Khoa học Máy tính	
91	2014731	Trần Tiến	02/05/2002	MT20KH09	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,53	Khá	7480101	DH	Toeic 860	Khoa học Máy tính	
92	2110586	Trần Thanh Trọng Tín	17/03/2003	MT21KHTN	An Giang	Tỉnh An Giang	3,40	Giỏi	7480101	TN	Toeic 905	Khoa học Máy tính	
93	2110592	Nguyễn Minh Toàn	31/07/2003	MT21KH06	An Giang	Tỉnh An Giang	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 605	Khoa học Máy tính	
94	2115099	Mai Quốc Trị	21/10/2003	MT21KH12	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,50	Giỏi	7480101	DH	Toeic 800	Khoa học Máy tính	
95	2110642	Kiều Đặng Quốc Tuấn	08/01/2003	MT21KH02	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,10	Khá	7480101	DH	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
96	2012385	Hoa Phương Tùng	17/02/2002	MT20KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,91	Khá	7480101	DH	Ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
97	2115231	Lê Thanh Tùng	30/08/2003	MT21KH08	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7480101	DH	Toeic 645	Khoa học Máy tính	
98	2115232	Nguyễn Duy Tùng	25/09/2003	MT21KH09	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Nông	3,40	Giỏi	7480101	DH	Toeic 625	Khoa học Máy tính	
99	2014999	Nguyễn Thanh Tùng	11/11/2002	MT20KH12	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	7,19	Khá	7480101	DH	Toeic 665	Khoa học Máy tính	
100	2115235	Phạm Châu Thanh Tùng	25/10/2003	MT21KH09	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	3,10	Khá	7480101	DH	Toeic 775	Khoa học Máy tính	
101	2115279	Nguyễn Quốc Việt	15/02/2003	MT21KT06	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	2,80	Khá	7480106	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Máy tính	
102	2110667	Đặng Quang Vinh	11/06/2003	MT21KHTN	An Giang	Tỉnh An Giang	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Toeic 765	Khoa học Máy tính	
103	2115321	Lê Phan Quốc Vũ	11/04/2002	MT21KT04	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	3,00	Khá	7480106	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Máy tính	
104	2220031	Trần Hồ Thanh Vũ	01/10/1992	MT22B2KH	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	2,90	Khá	7480101	B2	Toeic 615	Khoa học Máy tính	
105	2112673	Trương Hoàngnguyên Vũ	01/01/2003	MT21KH07	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Toeic 915	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
106	2012458	Nguyễn Tuyết Vy	09/04/2002	MT20KT02	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Vĩnh Long	8,08	Giỏi	7480106	DH	Toeic 745	Kỹ thuật Máy tính	
107	2115373	Lìu Ngọc Yến	14/12/2003	MT21KH08	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	DH	Toeic 850	Khoa học Máy tính	
Khoa Quản lý Công nghiệp													
1	2112927	Nguyễn Sinh Kim Chi	15/11/2003	QL21QKD	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,50	Giỏi	7510601	DH	Toeic 775	Quản lý Công nghiệp	
2	2113165	Võ Tấn Đạt	17/11/2003	QL21QKD	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7510601	DH	Ielts 6.5	Quản lý Công nghiệp	
3	2112985	Trịnh Lê Hoàng Du	02/08/2003	QL21QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510601	DH	Toeic 655	Quản lý Công nghiệp	
4	2113086	Cao Châu Thái Dương	03/04/2003	QL21QCN	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Toeic 825	Quản lý Công nghiệp	
5	2113049	Lê Đào Kim Duyên	14/11/2003	QL21QCN	Long An	Tỉnh Long An	3,50	Giỏi	7510601	DH	Toeic 645	Quản lý Công nghiệp	
6	2113261	Phạm Hương Giang	09/08/2003	QL21QKD	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi	7510601	DH	IELTS 6.0	Quản lý Công nghiệp	
7	2113310	Đỗ Trần Ngọc Hân	29/06/2003	QL21QCN	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	3,40	Giỏi	7510601	DH	Toeic 700	Quản lý Công nghiệp	
8	2113375	Trần Thị Thu Hiền	07/11/2003	QL21QCN	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,40	Giỏi	7510601	DH	Toeic 730	Quản lý Công nghiệp	
9	2113448	Nguyễn Minh Huệ	29/03/2003	QL21QKD	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	DH	Toeic 600	Quản lý Công nghiệp	
10	2113805	Nguyễn Kim Khương	28/01/2003	QL21QKD	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,70	Khá	7510601	DH	Toeic 725	Quản lý Công nghiệp	
11	2113896	Chu Kiều Linh	25/11/2003	QL21QCN	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 650	Quản lý Công nghiệp	
12	2110365	Bùi Lê Huyền My	12/03/2003	QL21QCN	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 655	Quản lý Công nghiệp	
13	2110420	Ngô Trương Thanh Nhi	16/04/2003	QL21QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 760	Quản lý Công nghiệp	
14	2110426	Đặng Thị Quỳnh Như	17/06/2003	QL21QCN	Long An	Tỉnh Long An	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	IELTS 5.5	Quản lý Công nghiệp	
15	2114477	Ngô Huỳnh Hoài Phương	18/05/2003	QL21QCN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 680	Quản lý Công nghiệp	
16	2114621	Phạm Thị Diễm Quỳnh	08/07/2003	QL21QCN	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,40	Giỏi	7510601	DH	Toeic 610	Quản lý Công nghiệp	
17	2114821	Hồ Thị Hồng Thắm	27/07/2003	QL21QCN	Long An	Tỉnh Long An	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 745	Quản lý Công nghiệp	
18	2114855	Nguyễn Đoàn Mai Thi	04/08/2003	QL21QCN	Đồng Tháp	Tỉnh An Giang	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 620	Quản lý Công nghiệp	
19	2114877	Quách Hải Thiện	27/09/2003	QL21QKD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	DH	Toeic 810	Quản lý Công nghiệp	
20	2115125	Nguyễn Tiến Trung	22/08/2003	QL21QKD	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	3,20	Giỏi	7510601	DH	Toeic 635	Quản lý Công nghiệp	
21	2115352	Nguyễn Triệu Vy	16/06/2003	QL21QKD	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,90	Khá	7510601	DH	Toeic 635	Quản lý Công nghiệp	
22	2115361	Võ Tường Vy	13/12/2003	QL21QCN	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,40	Giỏi	7510601	DH	Toeic 850	Quản lý Công nghiệp	
23	2112700	Phạm Thị Mai Xuân	14/01/2003	QL21QCN	Long An	Tỉnh Long An	3,80	Xuất Sắc	7510601	DH	Toeic 935	Quản lý Công nghiệp	
Chương trình Tiên tiến													
1	2051086	Cao Trần Hoài Bảo	22/08/2002	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
2	2051089	Nguyễn Võ Thiên Bảo	26/02/2002	TT20HSA1	An Giang	Tỉnh An Giang	6,75	TB Khá	7520201	TT	Ielts 7.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
3	2051091	Hoàng Phú Cường	27/08/2002	TT20COA1	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	6,36	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
4	2151190	Vũ Minh Đức	16/11/2003	TT21HSA1	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
5	2051098	Hà Lê Trọng Dũng	06/02/2002	TT21COA1	Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	3,00	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
6	2151086	Lã Văn Hùng	26/01/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520201	TT	IELTS 7.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
7	2151015	Lê Phạm Quang Huy	25/01/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,10	Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
8	2151206	Đoàn Hy Khang	21/08/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
9	2151218	Trần Hồng Lam	09/08/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
10	2151112	Lương Kim Long	13/04/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Kiên Giang	3,20	Giỏi	7520201	TT	Ielts 6	Kỹ thuật Điện - Điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
11	1951012	Huỳnh Nhựt Minh	07/09/2001	TT20HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,66	Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
12	2151229	Nguyễn Nhật Tuấn Minh	07/01/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520201	TT	Ielts 7.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
13	1951014	Trần Đại Nghĩa	26/11/2001	TT20COA1	An Giang	Tỉnh An Giang	7,63	Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
14	2151238	Lâm Hoàng Nhật	07/06/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
15	2111979	Nguyễn Lê Đức Phát	13/06/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520201	TT	Ielts 7.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
16	2051170	Vũ Thiên Phú	10/07/2002	TT20COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,44	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
17	1951187	Phạm Viết Phúc	24/07/2001	TT20COA1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6,48	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
18	2051061	Võ Đông Quân	08/02/2002	TT20COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,54	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
19	2051183	Nguyễn Thanh Sang	02/01/2001	TT21COA1	An Giang	Tỉnh An Giang	2,90	Khá	7520201	TT	Ielts 6	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
20	2051067	Thi Công Thành	24/07/2002	TT20COA1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6,16	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
21	1951098	Lê Võ Văn Thịnh	08/12/2001	TT19COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,74	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
22	1951103	Nguyễn Duy Thuận	16/11/2001	TT19COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,46	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
23	2051071	Lê Nguyễn Hoàng Trung	26/08/2002	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520201	TT	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
24	2151274	Phạm Khắc Thanh Tùng	02/11/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
25	2051210	Huỳnh Thị Minh Tuyền	31/01/2002	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
Khoa Khoa học Ứng dụng													
1	2110723	Huỳnh Sỹ Anh	04/09/2003	KU21CKT1	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520101	DH	Toeic 670	Cơ Kỹ thuật	
2	2112997	Đinh Quang Duy	04/08/2003	KU21CKT2	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520101	DH	Toeic 640	Cơ Kỹ thuật	
3	2013216	Dương Tấn Hoàng	24/11/2002	KU20CKT2	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,04	Khá	7520101	DH	Toeic 620	Cơ Kỹ thuật	
4	2113580	Nguyễn Đình Hùng	19/05/2003	KU21VLY1	Bắc Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520401	DH	Toeic 775	Vật lý Kỹ thuật	
5	2153387	Nguyễn Quốc Huy	19/06/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	2,10	Trung bình	7520101	DH	Toeic 635	Cơ Kỹ thuật	
6	2113531	Phan Nguyễn Bảo Huy	29/12/2003	KU21VLY2	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	3,60	Xuất Sắc	7520401	DH	Toeic 840	Vật lý Kỹ thuật	
7	2111472	Lê Thanh Duy Khanh	10/03/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520101	DH	Ielts 7.5	Cơ Kỹ thuật	
8	2153495	Lê Trung Kiên	03/12/2000	KU21CKT1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,10	Khá	7520101	DH	Toeic 720	Cơ Kỹ thuật	
9	2011502	Nguyễn Thanh Lam	03/06/2002	KU20VLY1	Long An	Tỉnh Long An	6,96	TB Khá	7520401	DH	Toeic 680	Vật lý Kỹ thuật	
10	2013647	Huỳnh Công Lĩnh	21/12/2002	KU20CKT1	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	8,03	Giỏi	7520101	DH	Toeic 610	Cơ Kỹ thuật	
11	2114140	Dương Vũ Linh Nga	12/06/2003	KU21VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520401	DH	Toeic 625	Vật lý Kỹ thuật	
12	2114234	Nguyễn Văn Phúc Nguyên	18/11/2003	KU21VLY2	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,80	Khá	7520401	DH	Toeic 680	Vật lý Kỹ thuật	
13	2110403	Trần Thảo Nguyên	29/11/2003	KU21VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520401	DH	Toeic 915	Vật lý Kỹ thuật	
14	2111889	Chu Minh Gia Nguyễn	07/10/2003	KU21VLY1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7520401	DH	Toeic 655	Vật lý Kỹ thuật	
15	1914793	Lâm Tiên Quang	21/05/2001	KU19VLY1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7,27	Khá	7520401	DH	Toeic 595	Vật lý Kỹ thuật	
16	2112172	Võ Mạnh Quỳnh	16/10/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520101	DH	Toeic 680	Cơ Kỹ thuật	
17	2012039	Cao Đức Tiến Thành	10/12/2002	KU20VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,89	TB Khá	7520401	DH	Toeic 605	Vật lý Kỹ thuật	
18	2114976	Lê Hoàng Các Tiên	12/12/2003	KU21VLY1	An Giang	Tỉnh An Giang	2,70	Khá	7520401	DH	Toeic 615	Vật lý Kỹ thuật	
19	2112510	Huỳnh Ngọc Bảo Trí	11/12/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520101	DH	Ielts 8.0	Cơ Kỹ thuật	
20	1915664	Phạm Ngọc Minh Trí	29/08/2001	KU19VLY1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6,66	TB Khá	7520401	DH	Toeic 630	Vật lý Kỹ thuật	
21	2014986	Trần Duyên Anh Tú	08/08/2002	KU20CKT2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	7,04	Khá	7520101	DH	Toeic 620	Cơ Kỹ thuật	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
22	1915893	Huỳnh Thanh Vẹn	12/10/2001	KU19VLY2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	7,46	Khá	7520401	DH	Toeic 560	Vật lý Kỹ thuật	
23	2115340	Huỳnh Lê Thảo Vy	08/05/2003	KU21VLY2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520401	DH	Toeic 620	Vật lý Kỹ thuật	
24	2112703	Nguyễn Thị Mộng Xuyên	13/05/2003	KU21VLY1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,10	Khá	7520401	DH	Toeic 650	Vật lý Kỹ thuật	
Khoa Công nghệ Vật liệu													
1	2112745	Thái Thành An	01/01/2003	VL21VKN	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520309	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Vật liệu	
2	2112774	Nguyễn Bùi Quỳnh Anh	02/10/2003	VL21VPO	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520309	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Vật liệu	
3	2112780	Nguyễn Hoàng Anh	29/11/2003	VL21VSI	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,50	Khá	7520309	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Vật liệu	
4	2112790	Nguyễn Phương Anh	14/01/2003	VL21VKN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Vật liệu	
5	2112832	Trịnh Thị Ngọc ánh	21/12/2003	VL21VKH	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Vật liệu	
6	2010958	Nguyễn Thảo Linh Chi	25/10/2002	VL20VKH	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,67	TB Khá	7520309	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Vật liệu	
7	2012875	Phạm Anh Dũng	09/09/2002	VL20VKH	Gia Lai	Tỉnh Bình Dương	6,84	TB Khá	7520309	DH	Toeic 760	Kỹ thuật Vật liệu	
8	2113091	Lê Thị ánh Dương	23/11/2003	VL21VSI	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,30	Trung bình	7520309	DH	Ielts 5.0	Kỹ thuật Vật liệu	
9	2113268	Đặng Quang Hà	18/05/2003	VL21VPO	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7520309	DH	Toeic 915	Kỹ thuật Vật liệu	
10	2013043	Trần Lâm Hoàng Hà	10/12/2002	VL20VKH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,84	TB Khá	7520309	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Vật liệu	
11	2013402	Vi Tấn Hưng	23/04/2002	VL20VPO	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,93	TB Khá	7520309	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Vật liệu	
12	2113483	Lê Gia Huy	10/03/2003	VL21VSI	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,60	Xuất Sắc	7520309	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Vật liệu	
13	2113792	Hồ Thái Khôi	22/01/2003	VL21VSI	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7520309	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Vật liệu	
14	2013721	Bùi Thị Hồng Lụa	08/04/2002	VL20VKN	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7,31	Khá	7520309	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Vật liệu	
15	2111723	Đoàn Hoài Mẫn	08/01/2003	VL21VPO	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Vật liệu	
16	2114247	Võ Trần Trúc Nguyên	14/08/2003	VL21VPO	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,40	Giỏi	7520309	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Vật liệu	
17	1914670	Trần Vĩnh Phú	06/08/2001	VL19PO	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,07	Khá	7520309	DH	Toeic 550	Kỹ thuật Vật liệu	
18	2114440	Nguyễn Hoàng Phúc	07/02/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	2,70	Khá	7520309	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Vật liệu	
19	2014200	Hà Thị Thanh Phương	07/01/2002	VL20VPO	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,03	Khá	7520309	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Vật liệu	
20	2114500	Huỳnh Quang	02/08/2003	VL21VKH	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Vật liệu	
21	1915009	Nguyễn Thành Tài	16/06/2001	VL19PO	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6,59	TB Khá	7520309	DH	Toeic 590	Kỹ thuật Vật liệu	
22	1915643	Ngô Thị Thảo Trinh	05/01/2001	VL19SI	An Giang	Tỉnh An Giang	6,63	TB Khá	7520309	DH	Toeic 590	Kỹ thuật Vật liệu	
23	2115170	Lê Công Tuấn	24/09/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Vật liệu	
24	2112643	Lê Thuỳ Vân	06/09/2003	VL21VKN	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,00	Khá	7520309	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Vật liệu	
25	2115341	Huỳnh Nguyễn Thảo Vy	02/07/2003	VL21VKN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7520309	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Vật liệu	
26	2115365	Trần Phạm Triệu Vỹ	10/11/2003	VL21VSI	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,90	Khá	7520309	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Vật liệu	
Chương trình Việt - Pháp (PFIEV)													
1	2052852	Trương Như Trúc Anh	12/04/2002	VP20CDT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,03	Giỏi	7520103	VP	Ielts 8.0	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	
2	1913153	Nguyễn Mạnh Đức	21/11/2001	VP19VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,12	Khá	7520103	VP	Toeic 750	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu và Năng lượng)	
3	1913162	Nguyễn Trần Hồng Đức	14/11/1998	VP19HK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,12	Khá	7520103	VP	Toeic 860	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
4	2011040	Trần Phạm Hải Dương	16/03/2002	VP20CDT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	7,44	Khá	7520103	VP	Toeic 920	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	
5	1913191	Nguyễn Văn Giang	24/11/2000	VP19VT	Vĩnh Phúc	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,19	Khá	7520201	VP	Toeic 665	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
6	2013194	Mạc Như Hiệp	31/08/2002	VP20VL	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,09	Giỏi	7520103	VP	Toeic 705	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu và Năng lượng)	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
7	2011391	Phạm Khánh	11/03/2002	VP20VT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,18	Giỏi	7520201	VP	Ielts 7.5	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
8	2013590	Tăng Kiến Kỳ	27/12/2002	VP20VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,15	Giỏi	7520103	VP	Toeic 775	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu và Năng lượng)	
9	2013609	Hoàng Thành Liêm	04/02/2002	VP20XDC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,69	Khá	7580201	VP	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	
10	2010400	Nguyễn Thị Khánh Ly	10/04/2002	VP20HK	Đăk Nông	Tỉnh Đăk Nông	8,01	Giỏi	7520103	VP	Toeic 755	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
11	1914111	Nguyễn Thị Thanh Mai	26/04/2001	VP19VL	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	7,53	Khá	7520103	VP	Toeic 740	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu và Năng lượng)	
12	1710200	Lê Phan Gia Nghiêm	20/09/1999	VP17VT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,75	TB Khá	7520207	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
13	1914391	Nguyễn Vĩnh Nguyên	23/11/2001	VP19VL	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Kon Tum	7,60	Khá	7520103	VP	Toeic 695	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu và Năng lượng)	
14	1910475	Nguyễn Thúy Phượng	18/12/2001	VP19NL	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	8,01	Giỏi	7520201	VP	Toeic 755	Kỹ thuật Điện (Hệ thống năng lượng)	
15	1810548	Nguyễn Phước Thịnh	12/01/2000	VP18HK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,51	Giỏi	7520120	VP	Toefl_ibt 106	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
16	2012291	Võ Minh Trí	27/01/2002	VP20NL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,91	TB Khá	7520201	VP	Toeic 815	Kỹ thuật Điện (Hệ thống năng lượng)	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng													
1	2112812	Trần Đức Anh	12/03/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580201	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Xây dựng	
2	2012590	Lê Phạm Tuấn Anh	10/10/2002	XD20XDC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,58	Khá	7580201	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Xây dựng	
3	2112873	Nguyễn Quốc Bảo	13/12/2003	XD21DD1	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,60	Xuất Sắc	7580201	DH	Toeic 845	Kỹ thuật Xây dựng	
4	2012695	Nguyễn Phong Thanh Bình	02/06/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,80	TB Khá	7580101	DH	Toeic 900	Kiến trúc	
5	1912759	Nguyễn Minh Chánh	26/04/2001	XD19CD1	Long An	Tỉnh Long An	6,39	TB Khá	7580205	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
6	1912788	Nguyễn Văn Chí	03/07/2001	XD19DD1	Lào Cai	Tỉnh Gia Lai	7,11	Khá	7580201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Xây dựng	
7	2012750	Võ Huỳnh Khánh Chương	20/12/2002	XD20VL	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6,82	TB Khá	7510105	DH	Toeic 635	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
8	1912818	Đinh Văn Cường	14/03/2001	XD19VL	Nam Định	Tỉnh Bình Dương	6,40	TB Khá	7510105	DH	Toeic 580	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
9	2113112	Lê Quang Đại	01/11/2003	XD21DD1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,80	Xuất Sắc	7580201	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Xây dựng	
10	1913011	Trần Tấn Đại	03/05/2001	XD19DD1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6,54	TB Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
11	2113134	Lê Viết Đạt	14/12/2003	XD21CD1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,30	Giỏi	7580205	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
12	2113156	Phạm Tiến Đạt	23/03/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7580201	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Xây dựng	
13	2012999	Nguyễn Hữu Đức	03/01/2002	XD20VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,82	TB Khá	7510105	DH	Toeic 735	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
14	2012802	Lâm Hoàng Dung	14/10/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,54	Khá	7580101	DH	Ielts 7.0	Kiến trúc	
15	2110947	Vũ Đức Duy	02/11/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7580201	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Xây dựng	
16	1913247	Lưu Chí Hải	24/06/2001	XD19DD1	An Giang	Tỉnh An Giang	6,77	TB Khá	7580201	DH	Toeic 575	Kỹ thuật Xây dựng	
17	2013096	Nguyễn Ngọc Hồng Hạnh	14/09/2002	XD20KT	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,30	Khá	7580101	DH	Toeic 720	Kiến trúc	
18	2113285	Nguyễn Cao Minh Hào	21/06/2003	XD21DD1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 740	Kỹ thuật Xây dựng	
19	1913481	Huỳnh Thị Thanh Hồng	05/12/2001	XD19KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,65	TB Khá	7580101	DH	Toeic 635	Kiến trúc	
20	1913645	Nguyễn Trung Hưng	08/02/2001	XD19DD2	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6,96	TB Khá	7580201	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Xây dựng	
21	2011338	Phạm Phước Hưng	31/03/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,00	Khá	7580101	DH	Toeic 685	Kiến trúc	
22	2013274	Bùi Quốc Huy	22/10/2002	XD20CB1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	6,46	TB Khá	7580203	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
23	1913530	Nguyễn Đình Bảo Huy	09/08/2001	XD19KT	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6,52	TB Khá	7580101	DH	Toeic 555	Kiến trúc	
24	2011290	Trần Hoàng Huy	09/09/2002	XD20KT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,33	Khá	7580101	DH	Toeic 655	Kiến trúc	
25	2013480	Trương Đức Khải	02/01/2002	XD20DD2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6,72	TB Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
26	2111449	Ngô Duy Khang	08/12/2003	XD21DD1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7580201	DH	Toeic 670	Kỹ thuật Xây dựng	
27	1913737	Lê Nguyên Khánh	05/07/2001	XD19DD2	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	6,50	TB Khá	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
28	2011453	Nguyễn Tấn Khuê	18/07/2002	XD20XDC	Bình Định	Tỉnh Bình Định	7,54	Khá	7580201	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Xây dựng	
29	2013549	Phạm Trung Kiên	20/02/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	7,55	Khá	7580101	DH	Toeic 635	Kiến trúc	
30	2111589	Bành Tuấn Kiệt	10/01/2003	XD21DD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7580201	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Xây dựng	
31	1913879	Nguyễn Tuấn Kiệt	26/11/2001	XD19TD	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	8,06	Giỏi	7520503	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
32	2011494	Trần Tuấn Kiệt	03/01/2002	XD20DD2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	7,29	Khá	7580201	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Xây dựng	
33	2113855	Huỳnh Thiên Kim	27/01/2003	XD21KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7580101	DH	Toeic 855	Kiến trúc	
34	1914027	Ông Phước Lộc	14/11/2001	XD19TL1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,70	TB Khá	7580202	DH	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy	
35	1911542	Trần Hữu Lộc	04/11/2001	XD19DD2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,99	TB Khá	7580201	DH	Toeic 550	Kỹ thuật Xây dựng	
36	1913986	Đinh Thành Long	27/07/2000	XD19KT	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6,58	TB Khá	7580101	DH	Toeic 555	Kiến trúc	
37	2113949	Trương Quang Long	13/12/2003	XD21DD1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7580201	DH	Ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
38	2011608	Đào Phan Văn Minh	25/08/2002	XD20DD2	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	6,73	TB Khá	7580201	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Xây dựng	
39	2114082	Trần Văn Minh	13/12/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7580201	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Xây dựng	
40	2013799	Võ Nhật Minh	16/02/2001	XD20DD2	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6,96	TB Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
41	2013804	Nguyễn Quỳnh Tiểu My	13/12/2002	XD20KT	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,24	Khá	7580101	DH	Toeic 605	Kiến trúc	
42	2110370	Huỳnh Trung Nam	25/01/2003	XD21VL	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,50	Khá	7510105	DH	Ielts 5.5	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
43	2013902	Trần Tuấn Ngọc	25/02/2001	XD20CD1	Đắk Lắk	Tỉnh Đăk Lăk	7,27	Khá	7580205	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
44	2013941	Võ Văn Nguyên	10/08/2002	XD20DD1	Bình Định	Tỉnh Bình Dương	8,43	Giỏi	7580201	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Xây dựng	
45	1914445	Nguyễn Thiện Nhân	28/03/2001	XD19DD3	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,52	Khá	7580201	DH	Toeic 560	Kỹ thuật Xây dựng	
46	1914500	Hoàng Anh Yến Nhi	04/07/1999	XD19KT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,63	TB Khá	7580101	DH	Toeic 560	Kiến trúc	
47	1911812	Nguyễn Minh Nhựt	27/11/2001	XD19DD3	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6,50	TB Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
48	2114386	Trương Minh Phát	27/10/2003	XD21DD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 705	Kỹ thuật Xây dựng	
49	2014326	Nguyễn Trương Đình Quý	29/08/2002	XD20CD1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,88	TB Khá	7580205	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
50	2011938	Lê Bảo Quyên	07/03/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,12	Khá	7580101	DH	Toeic 625	Kiến trúc	
51	2110503	Nguyễn Phước Sang	01/10/2003	XD21CD1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tây Ninh	2,80	Khá	7580205	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
52	2112183	Trần HuỳnhHồngChíA Sanh	10/08/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7580201	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Xây dựng	
53	2011974	Bùi Duy Sơn	20/03/2002	XD20VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,69	TB Khá	7510105	DH	Toeic 850	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
54	2114683	Lộc Tài	08/07/2003	XD21KT	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580101	DH	Toeic 770	Kiến trúc	
55	2010591	Nguyễn Thái Tài	19/08/2002	XD20XDC	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	8,15	Giỏi	7580201	DH	Toeic 825	Kỹ thuật Xây dựng	
56	2110525	Lê Khánh Tân	08/02/2003	XD21CTN	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,20	Trung bình	7580210	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
57	2114725	Mai Nhựt Tân	06/07/2003	XD21DD2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Xây dựng	
58	2012071	Bùi Gia Công Thắng	25/07/2002	XD20CB1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,69	TB Khá	7580203	DH	Toeic 820	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
59	2012042	Đặng Tiến Thành	30/11/2002	XD20DD3	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,10	Giỏi	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
60	1915172	Dương Thị Ngọc Thảo	04/02/2001	XD19KT	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6,60	TB Khá	7580101	DH	Toeic 625	Kiến trúc	
61	2114866	Hồ Quang Thiện	15/02/2003	XD21KXN	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,70	Xuất Sắc	7580201	TN	Toeic 745	Kỹ thuật Xây dựng	
62	2014693	Nguyễn Trí Thức	12/11/2002	XD20DD3	Kiên Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,02	Giỏi	7580201	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
63	2012186	Tôn Nữ Bảo Thy	27/03/2002	XD20DD3	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,87	TB Khá	7580201	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Xây dựng	
64	1915463	Nguyễn Thị Thủy Tiên	06/04/2001	XD19KT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,83	TB Khá	7580101	DH	Toeic 580	Kiến trúc	
65	2014857	Nguyễn Thành Trí	27/10/2002	XD20XDC	Long An	Tỉnh Long An	7,41	Khá	7580201	DH	Toeic 735	Kỹ thuật Xây dựng	
66	2014861	Trương Hữu Trí	01/03/2002	XD20DD3	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,09	Khá	7580201	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Xây dựng	
67	2014827	Huỳnh Minh Triết	15/07/2002	XD20DD3	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,17	Khá	7580201	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Xây dựng	
68	1915630	Lê Bảo Triều	08/11/2001	XD19CTN	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6,52	TB Khá	7580210	DH	Toeic 790	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
69	2110623	Trương Thành Trọng	14/03/2003	XD21DD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,80	Xuất Sắc	7580201	DH	Toeic 790	Kỹ thuật Xây dựng	
70	1915715	Trần Võ Ngọc Thủy Trúc	08/04/2001	XD19VL	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6,81	TB Khá	7510105	DH	Toeic 570	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
71	2014881	Nguyễn Gia Trung	04/08/2002	XD20TD	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,94	TB Khá	7520503	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
72	2115154	Phạm Thiên Trường	02/08/2003	XD21DD3	An Giang	Tỉnh An Giang	2,70	Khá	7580201	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Xây dựng	
73	2115131	Trần Minh Truyền	22/10/2003	XD21DD1	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,20	Giỏi	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
74	2115217	Nguyễn Anh Tú	25/10/2003	XD21DD1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
75	2012381	Phan Tuấn Tú	29/05/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,12	Khá	7580101	DH	IELTS 6.0	Kiến trúc	
76	2115188	Phạm Viết Tuấn	01/05/2003	XD21DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7580201	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Xây dựng	
77	2115228	Đinh Mạnh Tùng	18/04/2003	XD21KXN	Thành Phố Cần Th	Thành Phố Cần Thơ	3,40	Giỏi	7580201	TN	Toeic 795	Kỹ thuật Xây dựng	
78	1915855	Nguyễn Thiện Tường	29/12/2001	XD19DD4	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6,68	TB Khá	7580201	DH	Toeic 585	Kỹ thuật Xây dựng	
79	2112636	Lê Thành Vạn	02/05/2003	XD21DD1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,40	Giỏi	7580201	DH	Toeic 865	Kỹ thuật Xây dựng	